

---

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019**

---

# MỤC LỤC

01

**THÔNG TIN CHUNG**

02

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG  
TRONG NĂM**

03

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA  
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

04

**ĐÁNH GIÁ CỦA  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

05

**QUẢN TRỊ CÔNG TY**

06

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
KIỂM TOÁN NĂM 2019**



---

# THÔNG TIN CHUNG

---





## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Kính gửi: Quý cổ đông, Đối tác, Khách hàng và Toàn thể Cán bộ Nhân viên Công ty cổ phần Viễn thông VTC**

Năm 2019 khép lại với kết quả tích cực trên nhiều phương diện hoạt động của Công ty. Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đều tăng trưởng hơn năm 2018 lần lượt là 33% và 20%. Khẳng định việc theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, áp dụng đổi mới phương thức và đa dạng các sản phẩm kinh doanh của Công ty trong những năm qua; Từng bước khẳng định vị thế là nhà cung cấp dịch vụ viễn thông hàng đầu trong Tập đoàn VNPT, ngành Viễn thông và Công nghệ thông tin.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty đạt được năm 2019 đã khẳng định sự quyết tâm chinh phục thử thách và bản lĩnh của đội ngũ Lãnh đạo; Sự sẵn sàng cống hiến của Cán bộ nhân viên Công ty và cam kết thực hiện thành công các bài toán của doanh nghiệp.

Tôi đánh giá cao sự nhanh nhạy và hành động quyết liệt của Ban điều hành trong chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, nhanh chóng nắm bắt được những xu hướng công nghệ, phát huy các giá trị cốt lõi đưa Công ty tăng trưởng đạt kế hoạch đề ra và bước vào một giai đoạn phát triển mới.

Với sự chuẩn bị về đội ngũ, năng lực công nghệ, năng lực quản trị, sáng tạo và sự kiên cường vượt mọi hoàn cảnh để đảm bảo luôn hoàn thành cam kết với khách hàng. Tôi hoàn toàn tin tưởng và yên tâm về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn mới.

Tôi muốn gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các Quý khách hàng, đối tác của Công ty, việc phục vụ và đáp ứng nhu cầu của Quý vị luôn giúp cán bộ nhân viên Công ty không ngừng học hỏi và làm tốt hơn mỗi ngày. Xin cảm ơn Quý cổ đông đã luôn đặt niềm tin vào Công ty và đặc biệt cảm ơn tất cả các Lãnh đạo, cán bộ nhân viên toàn Công ty về sự nỗ lực, sáng tạo không ngừng và tinh thần dẫn thân, hết lòng vì sự phát triển của Công ty.

Trân trọng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2020

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Lê Xuân Tiến**



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:  
Tên giao dịch tiếng Việt: Công ty Cổ phần Viễn thông VTC  
Tên giao dịch quốc tế : VTC Telecommunications Joint Stock Company  
Tên viết tắt : VTC Telecom  
Logo :   
Địa chỉ : 750 (lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, Quận 10,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại : (84-28) 38331106 Fax: (84-28) 38300253  
Website : [www.vtctelecom.com.vn](http://www.vtctelecom.com.vn)  
Giấy chứng nhận số : **0301888195**  
Đăng ký lần đầu : Ngày 30 tháng 12 năm 1999  
Đăng ký thay đổi : Lần thứ 19 - Ngày 16 tháng 06 năm 2015  
Vốn điều lệ : **45.346.960.000 VND** (Bốn mươi lăm tỷ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng)  
Mã cổ phiếu : **VTC**

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 01 tháng 07 năm 1999

Công ty Cổ phần Viễn thông VTC (trước là Công ty Liên doanh sản xuất thiết bị Viễn thông Việt Nam, Vietnam Telecommunications Company, sau là Trung tâm Nghiên cứu sản xuất và bảo dưỡng thiết bị thông tin 1 thuộc Công ty VITECO - Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam) cổ phần hóa theo Quyết định số 618/1999/QĐ-TC-CB của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện. Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 15 tỷ đồng, một trong các cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam nắm giữ 45% cổ phần.



Ngày 30 tháng 12 năm 1999

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056681 công nhận hoạt động kinh doanh của Công ty dưới hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.



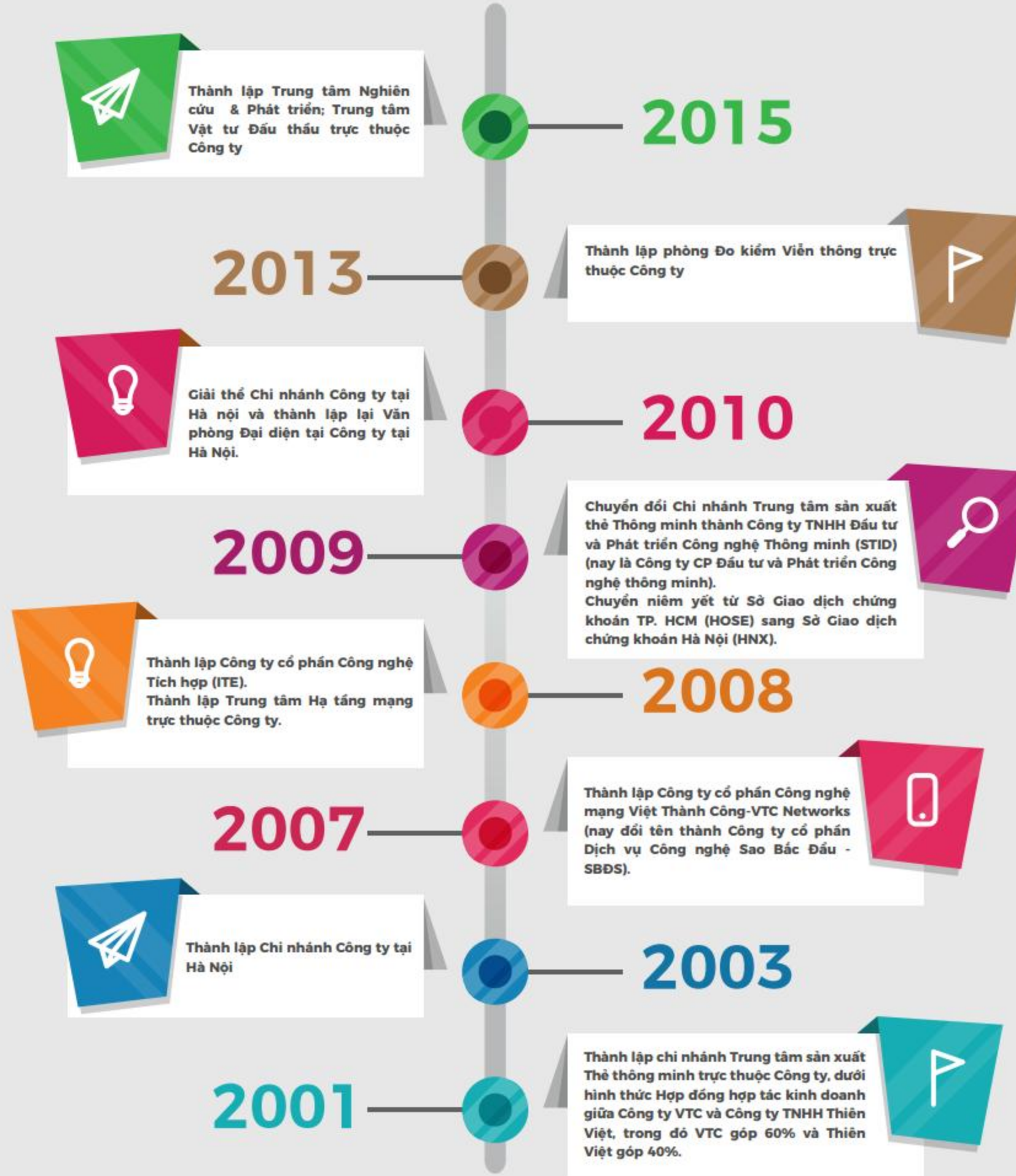
Ngày 24 tháng 01 năm 2003

Công ty Cổ phần Viễn thông VTC chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn Giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE) với mã chứng khoán VTC.





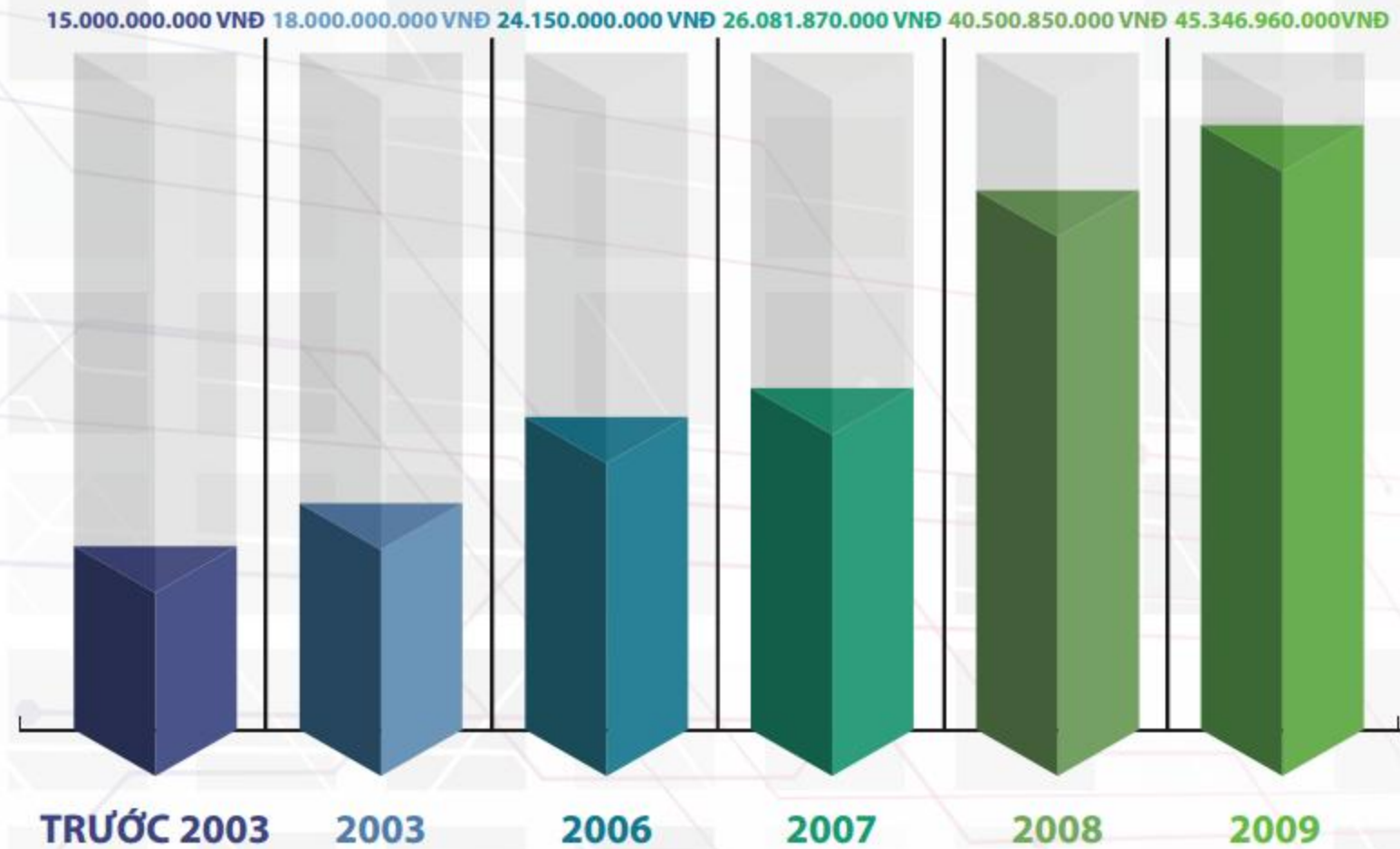
# GIẢI ĐOẠN PHÁT TRIỂN





## QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Năm	Vốn điều lệ trước khi tăng	Vốn điều lệ sau khi tăng	Lý do
2003	15.000.000.000 VNĐ	18.000.000.000 VNĐ	Tăng vốn để niêm yết cổ phiếu bằng hình thức chi cổ phiếu thưởng cho cổ đông và cán bộ chủ chốt từ nguồn lợi nhuận tích lũy của Công ty, tỷ lệ 5:6
2006	18.000.000.000 VNĐ	24.150.000.000 VNĐ	Chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông và cán bộ chủ chốt từ nguồn lợi nhuận tích lũy của Công ty.
2007	24.150.000.000 VNĐ	26.081.870.000 VNĐ	Trả cổ tức năm 2006 bằng cổ phiếu cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận tích lũy của Công ty, mức cổ tức 8%/cp.
2008	26.081.870.000 VNĐ	40.500.850.000 VNĐ	Trả cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận tích lũy của Công ty, mức cổ tức 12%/cp. Chào bán cho CĐ hiện hữu và CBNV, tỷ lệ 2:1.
2009	40.500.850.000 VNĐ	45.346.960.000 VNĐ	Trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận tích lũy của Công ty, mức cổ tức 12%/cp.







## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty cổ phần Viễn thông VTC là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ kỹ thuật mạng lưới viễn thông; là một trong những đơn vị đầu tiên trong cả nước sản xuất thẻ SIM GSM, thẻ từ, thẻ IC, thẻ cào các loại để cung cấp cho các dịch vụ trả tiền trước cũng như các dịch vụ khác; là đơn vị cung cấp nhiều giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin vào hạ tầng viễn thông; là đơn vị đang sở hữu đội ngũ kỹ sư nghiên cứu và vẫn kiên trì theo định hướng nghiên cứu chế tạo, đều đặn cung cấp ra thị trường viễn thông thiết bị, phần mềm mới tự nghiên cứu phát triển.

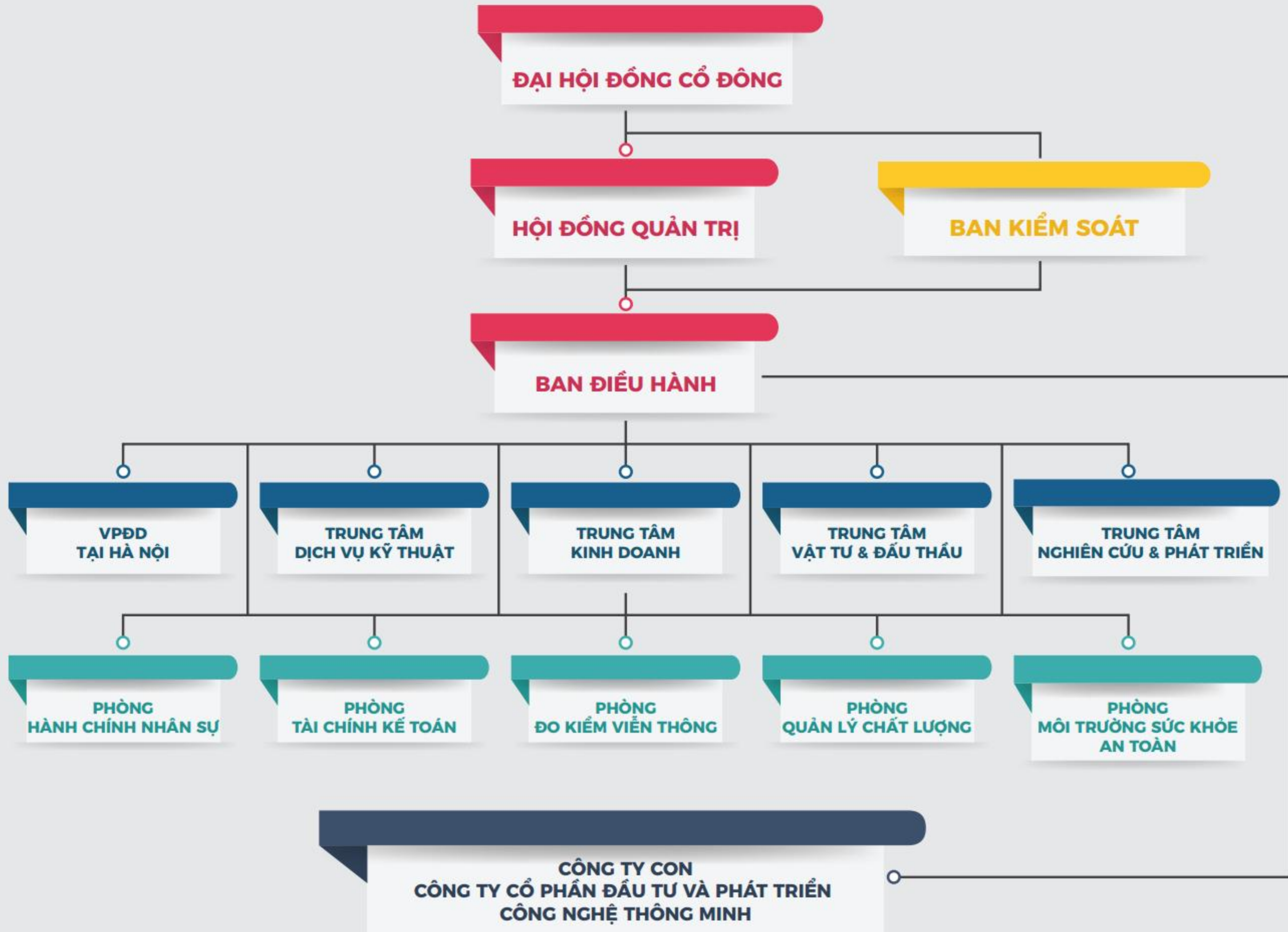
Sau hơn 20 năm hoạt động trong lĩnh vực điện tử viễn thông, các công trình do VTC Telecom thi công đã có mặt hầu hết các tỉnh, thành phố lớn và không ngừng vươn xa mở rộng đến các tỉnh thành, từ trung tâm cho đến các huyện miền núi xa xôi, từ vùng trời tới vùng biển Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty:

- Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Xây lắp, lắp đặt, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Sản xuất các loại thẻ dùng trong lĩnh vực tin học, viễn thông, bảo vệ và các ứng dụng khác;
- Kinh doanh các thiết bị viễn thông bao gồm card tổng đài, thiết bị truy nhập, cáp viễn thông, thiết bị chống sét, thiết bị truyền dẫn, nguồn...;
- Kinh doanh thiết bị điện, điện tử, tin học;
- Cung cấp phần mềm, giải pháp ứng dụng tin học, công nghệ thông tin;
- Đầu tư hạ tầng viễn thông, tối ưu hóa mạng di động;
- Đo kiểm viễn thông;
- Hoạt động dịch vụ thông tin: cung cấp dịch vụ số qua mạng vệ tinh, internet; cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### Ông LÊ XUÂN TIẾN

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

#### Chức vụ hiện tại:

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm  
Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Viễn thông VTC

**Ngày sinh:** 05/04/1975

**Nơi sinh:** Nam Định

#### Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh  
Kỹ sư Điện tử Viễn thông

### Ông BÙI VĂN BẰNG

Ủy Viên Hội Đồng Quản Trị

#### Chức vụ hiện tại:

Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm  
Phó Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Viễn thông VTC

**Ngày sinh:** 1976

**Nơi sinh:** Bến Tre

#### Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Điện - Điện tử

### Ông HỒ LÊ NHẬT HOAN

Ủy Viên Hội Đồng Quản Trị

#### Chức vụ hiện tại:

Ủy Viên Hội đồng quản trị  
Công ty Cổ phần Viễn thông VTC

**Ngày sinh:** 07/07/1966

**Nơi sinh:** Bến Tre

#### Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Điện tử - Viễn thông

### Bà LÊ THỊ THANH

Ủy Viên Hội Đồng Quản Trị

#### Chức vụ hiện tại:

Ủy Viên Hội đồng quản trị  
Công ty Cổ phần Viễn thông VTC

**Ngày sinh:** 01/03/1963

**Nơi sinh:** Nam Định

#### Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Luật

### Ông VÕ HÙNG TIẾN

Ủy Viên Hội Đồng Quản Trị

#### Chức vụ hiện tại:

Ủy Viên Hội đồng quản trị  
Công ty Cổ phần Viễn thông VTC

**Ngày sinh:** 31/01/1961

**Nơi sinh:** Ninh Thuận

#### Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ kế toán Quốc tế  
Cử nhân luật



## BAN KIỂM SOÁT



Ông **NGUYỄN THIỆN LỢI**

Trưởng Ban kiểm soát



Ông **NGUYỄN MINH VŨ**

Thành viên Ban kiểm soát



Ông **NGUYỄN VĂN XUÂN**

Thành viên Ban kiểm soát



Ông **BÙI VĂN BẰNG**

Phó Tổng Giám đốc



Ông **LÊ XUÂN TIẾN**

Tổng Giám đốc



Ông **TRẦN VĂN MUA**

Phó Tổng Giám đốc



Bà **NGUYỄN THỤY KIỀU GIANG**

Kế toán trưởng

## BAN ĐIỀU HÀNH



## ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

### TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT

Địa chỉ: Lầu 5, 750 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: (+84.28) 3833 1106 Fax: (+84.28) 3830 025

#### Chức năng nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, triển khai dự án
- Xây lắp, bảo hành, bảo dưỡng, ứng cứu đột xuất các loại tổng đài, thiết bị truyền dẫn, BTS, thiết bị băng rộng và các thiết bị viễn thông tin học khác trên mạng
- Phối hợp với Phòng Đo kiểm Viễn thông của Công ty thực hiện đo kiểm tối ưu hóa

### TRUNG TÂM KINH DOANH

Địa chỉ: Lầu 3, 750 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: (+84.28) 3833 1106 Fax: (+84.28) 3830 025

#### Chức năng nhiệm vụ:

- Kinh doanh các thiết bị liên quan đến hạ tầng BTS và thiết bị viễn thông, điện tử, tin học
- Cung cấp giải pháp kèm thiết bị nghiên cứu của Công ty cho khách hàng trong và ngoài ngành

### TRUNG TÂM VẬT TƯ VÀ ĐẦU THẦU

Địa chỉ: Lầu 3, 750 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: (+84.28) 3833 1106 Fax: (+84.28) 3830 0253

#### Chức năng nhiệm vụ:

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc và thực hiện hoạch định kế hoạch tổ chức đấu thầu, dự thầu
- Cung cấp vật tư triển khai dự án và điều hành toàn bộ hoạt động cung ứng vật tư cho dự án

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Địa chỉ: Lầu 3, 750 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: (+84.28) 3833 1106 Fax: (+84.28) 3830 0253

#### Chức năng nhiệm vụ:

- Nghiên cứu phát triển các phần mềm tích hợp, các giải pháp nội dung số, các phần mềm ứng dụng phục vụ nhu cầu quản lý của các bộ, ngành, các địa phương, dựa trên hạ tầng viễn thông công nghệ thông tin sẵn có của các nhà khai thác mạng
- Nghiên cứu, dự báo và đưa ra tầm nhìn về xu hướng công nghệ phát triển công nghệ ứng dụng trong tương lai
- Nghiên cứu thị trường để tìm kiếm các sản phẩm thương mại cho công ty và định hướng sản phẩm cho tương lai phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng
- Tư vấn giải pháp kỹ thuật cho các khách hàng dựa trên những thông tin thu thập được nhằm mục đích tối đa sự thoả mãn của khách hàng

### PHÒNG ĐO KIỂM VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lầu 5, 750 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: (+84.28) 3833 1106 Fax: (+84.28) 3830 0253

#### Chức năng nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành dự án, thực hiện dự án đo kiểm, tối ưu hóa mạng viễn thông
- Thực hiện công tác quản lý, giám sát kỹ thuật, chất lượng dự án đo kiểm theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông

### VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: 355 Phố Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, TP. Hà Nội  
Điện thoại: (84.24) 35666582 Fax: (84.24) 35666582

#### Chức năng nhiệm vụ:

- Đại diện cho Công ty Cổ phần Viễn thông VTC tại phía Bắc và Bắc Trung bộ
- Thực hiện công tác tiếp thị, đề xuất và thực hiện các biện pháp thúc đẩy và mở rộng các quan hệ kinh tế, thương mại của Công ty ra thị trường phía Bắc
- Trực tiếp tổ chức triển khai, hỗ trợ Công ty triển khai các dự án dịch vụ kỹ thuật, cung cấp các sản phẩm của Công ty cho khách hàng phía Bắc
- Tham gia đàm phán để Công ty ký kết các Hợp đồng thương mại, dịch vụ với khách hàng

### CÔNG TY CON

#### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG MINH

Địa chỉ: Lô I-3b-4-a, đường N6, Khu công nghệ cao, P.Tân Phú, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: (84.28) 38309055 Fax: (84.28) 38309056

#### Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính:

- Sản xuất mua bán các loại thẻ, thiết bị điện tử, tin học, viễn thông, in offset, viết phần mềm
- Cung cấp phần mềm chữ ký số, hóa đơn điện tử
- Xây lắp, lắp đặt, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học
- Cung cấp phần mềm, giải pháp ứng dụng tin học, công nghệ thông tin
- Hoạt động dịch vụ thông tin: cung cấp dịch vụ số qua mạng vệ tinh, internet; cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động





# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## TẦM NHÌN

VTC Telecom hoạt động với phương châm: “Vươn tới tầm cao”.  
Vươn tới tầm cao, trở thành một thương hiệu lớn, một hệ thống công ty giàu tiềm lực tài chính, dồi dào nhân lực và thủ đắc nhiều bí quyết công nghệ bằng nỗ lực xây dựng đội ngũ cán bộ và năng lực công nghệ, mang lại những sản phẩm dịch vụ chất lượng cao nhất cho khách hàng và cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần cho mọi thành viên.

## SỨ MỆNH

VTC Telecom phấn đấu vươn lên trở thành công ty lớn trên thị trường nội địa và khu vực, bao gồm hệ thống công ty con, đơn vị nội bộ hoạt động đa dạng ở nhiều lĩnh vực trong ngành điện tử viễn thông, công nghệ thông tin bao gồm:

- Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, cung cấp thiết bị sản phẩm điện tử viễn thông tin học;
- Cung ứng dịch vụ kỹ thuật, tư vấn giải pháp kỹ thuật điện tử viễn thông, công nghệ thông tin;
- Đầu tư, khai thác hạ tầng điện tử viễn thông, công nghệ thông tin;
- Cung cấp giải pháp, ứng dụng công nghệ thông tin vào đời sống, góp phần hình thành văn hóa sử dụng công nghệ số cộng đồng, xây dựng Chính phủ điện tử.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Xác định con người là sức mạnh cốt lõi, VTC Telecom luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, mang đậm văn hóa VTC Telecom. Nhờ những nỗ lực trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự, trọng dụng nhân tài, quan tâm đào tạo nhân sự, đề cao đạo đức nghề nghiệp kích thích sáng tạo và mong muốn đóng góp, cơ hội thăng tiến đồng đều cho nhân viên là động lực phát triển. Hiện VTC Telecom đã có đội ngũ CBNV có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm làm việc ở cả môi trường trong nước và quốc tế.
- Xây dựng hình thành thói quen tự nhiên ở mỗi nhân viên ý thức gìn giữ thương hiệu, văn hóa công ty, tận tụy với lợi ích công ty để đảm bảo lâu dài cho sự phát triển bền vững.
- Xây dựng sự tin cậy của đối tác, khách hàng bằng hoạt động hiệu quả và chất lượng.
- Phấn đấu cho mục tiêu kép: mức lợi nhuận làm hài lòng cổ đông và lợi ích cho cộng đồng.

## ĐỊNH HƯỚNG

“Định hướng phát triển bền vững, an toàn, minh bạch và hiệu quả” Tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ dựa trên hai giá trị cốt lõi là CON NGƯỜI và CÔNG NGHỆ.

- Về con người: VTC Telecom tiếp tục với định hướng mở rộng đội ngũ nhân sự đi đôi với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Về Công nghệ: VTC Telecom tiếp tục kiên định với định hướng: Không ngừng đầu tư nghiên cứu, tận dụng mọi thế mạnh công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng sản phẩm công nghệ cao và an toàn, nhanh chóng và chính xác.



---

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

---





# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

## 01 TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2019, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, thị trường Viễn thông, Công nghệ thông tin hết sức sôi động và có sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nhà khai thác. Chủ trương chuyển đổi từ doanh nghiệp Viễn thông sang doanh nghiệp số được Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam tập trung triển khai góp phần vào tiến trình xây dựng nền kinh tế số và xã hội số của Việt Nam.

Trước sự cạnh tranh gay gắt của thị trường, Công ty đã tập trung phát triển mở rộng thị trường, đảm bảo doanh thu ổn định và tăng trưởng nhằm giữ vững thị phần, tạo tiền đề ổn định cho năm 2019 và các năm sau. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 của Công ty có sự tăng trưởng khả quan cả về doanh thu và lợi nhuận.

## 02 HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

Thị trường thương mại các sản phẩm điện tử viễn thông có sự cạnh tranh khốc liệt đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất của Công ty, các hãng sản xuất thiết bị muốn chiếm lĩnh thị trường đã giảm giá sâu để thắng thầu, nên lợi nhuận mảng thương mại rất thấp. Công ty đã quyết định tập trung nguồn lực phát triển các dự án thương mại gắn liền với dịch vụ đi kèm để phát huy được thế mạnh của Công ty.

## 03 HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ KỸ THUẬT

Xác định hoạt động dịch vụ kỹ thuật luôn là mảng kinh doanh quan trọng, mảng lõi của Công ty, khẳng định vị thế của Công ty trong thị trường Viễn thông và Công nghệ thông tin trong nước. Công ty luôn chú trọng và tập trung phát triển hoạt động dịch vụ kỹ thuật cả về chất lượng và số lượng.

Công ty luôn đặt mục tiêu chất lượng dịch vụ lên hàng đầu, tập trung chú trọng và phát triển đội ngũ kỹ thuật có tay nghề cao, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, đảm bảo các hợp đồng dịch vụ được thực hiện đúng tiến độ và chất lượng tốt. Các hoạt động dịch vụ của Công ty được khách hàng trong và ngoài Tập đoàn đánh giá cao. Công ty luôn giữ vững được vị trí là một trong các đơn vị hàng đầu về cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, giải pháp trong lĩnh vực Viễn thông và Công nghệ thông tin của Tập đoàn VNPT.

Công ty chủ trương chú trọng duy trì khách hàng truyền thống và tăng cường phát triển thêm các khách hàng mới, khách hàng tiềm năng, phát triển hoạt động thương mại bán hàng đi kèm với dịch vụ phát huy tốt lợi thế của Công ty.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

04

### HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN

Năm 2019, Công ty tập trung nghiên cứu hoàn thiện các giải pháp, đón đầu xu hướng của thị trường Viễn thông và Công nghệ thông tin quốc tế và trong nước. Từng bước định hình sản phẩm cốt lõi, đưa vào kinh doanh trên thị trường.

- Các dự án nghiên cứu trọng điểm của Công ty các năm qua đã được triển khai áp dụng thành công như: Hệ thống giám sát và quản lý tàu thuyền (VNPT VSS), Hệ thống giám sát điều khiển trạm viễn thông (SCS). Hệ thống VNPT VSS của Công ty được đánh giá cao được thị trường đón nhận và đang là sản phẩm chiến lược của Tập đoàn VNPT cạnh tranh với đối thủ trên thị trường.

- Nghiên cứu và phát triển các dịch vụ tiện ích trên mạng viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình, Cloud...nhằm tiến tới làm chủ được công nghệ trong lĩnh vực viễn thông & tích hợp hệ thống, phát triển công nghệ/sản phẩm mới nhằm mở rộng phạm vi kinh doanh đa dạng hóa sản phẩm để phù hợp với sự phát triển công nghệ thời kỳ hội nhập.

05

### HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY CON

Công ty con - Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh (STID) hoạt động kinh doanh gặp khó khăn do việc ngưng cung cấp các dịch vụ cổng trung gian thanh toán sử dụng thẻ cào đối với các công ty khác của các nhà mạng dẫn đến sản lượng tiêu thụ thẻ cào giảm mạnh.

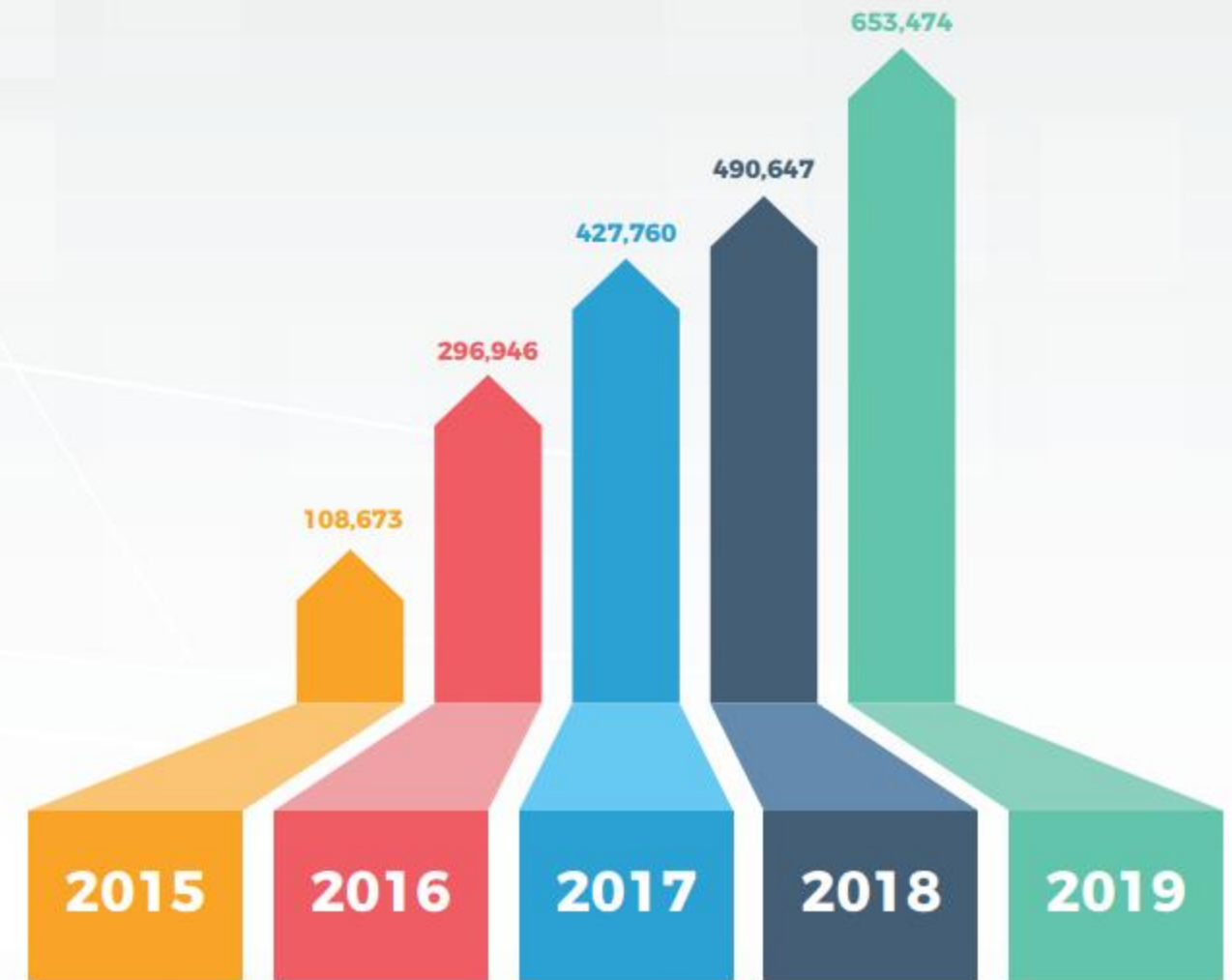
Doanh thu và lợi nhuận Công ty STID đã bị giảm sút. Trước những khó khăn của thị trường, Công ty STID đã thực hiện tốt việc kiểm soát các chi phí, tối ưu hóa lợi nhuận để duy trì nguồn tài chính và nhân sự ổn định đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định và phát triển trong năm 2019 và các năm kế tiếp.



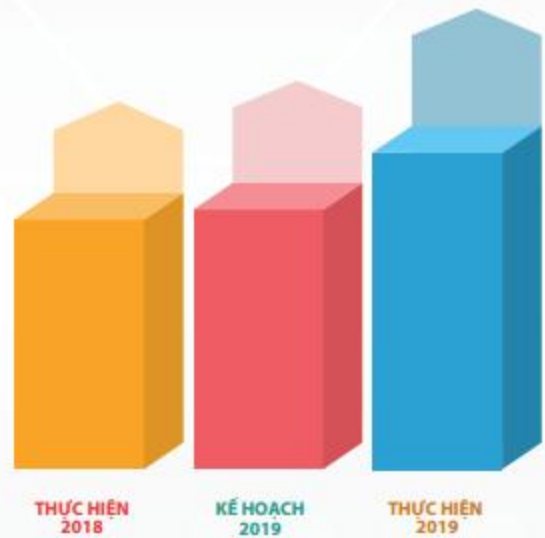
# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	So với kế hoạch năm 2019	So với kế hoạch năm 2018
I	Doanh thu hợp nhất	490.647	495.000	653.474	132%	133%
II	LNTT hợp nhất	16.019	17.625	14.780	84%	92%
III	LNST hợp nhất	10.922	12.600	11.455	91%	105%
IV	LNST hợp nhất của cổ đông công ty mẹ	8.243	9.880	9.887	100%	120%

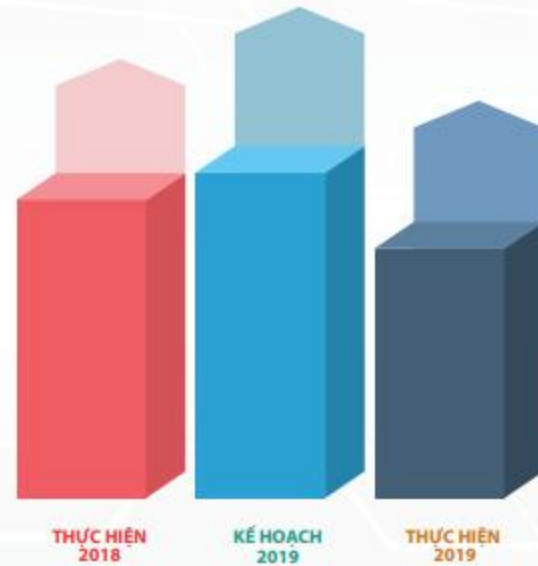
## TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG DOANH THU



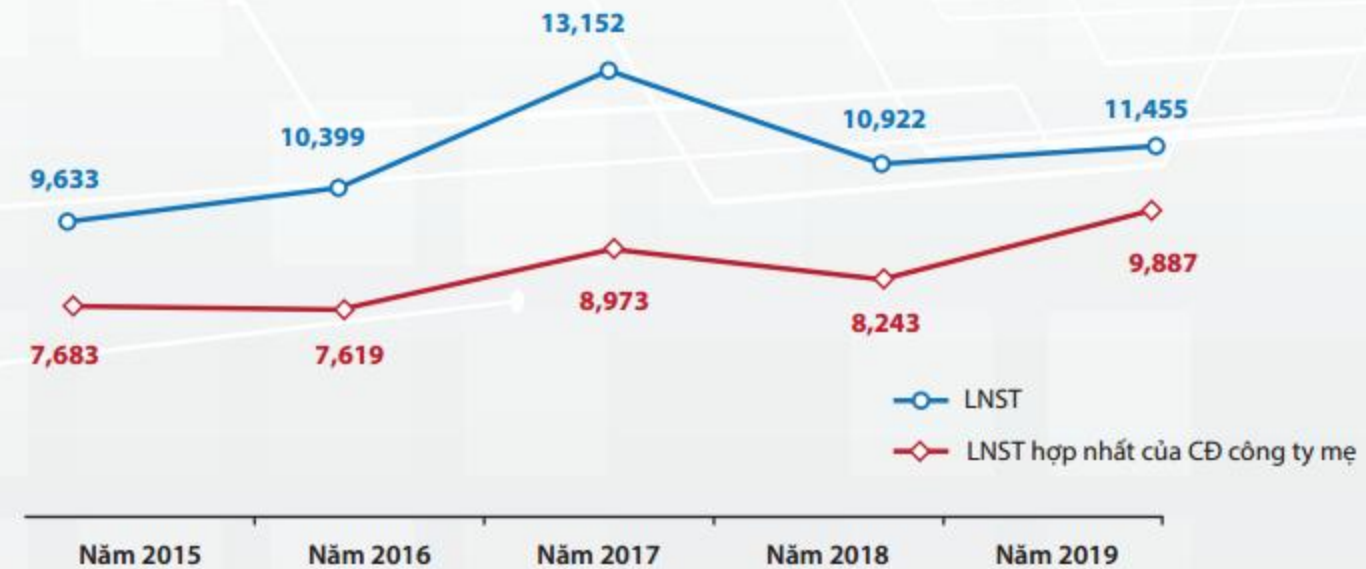
### DOANH THU HỢP NHẤT



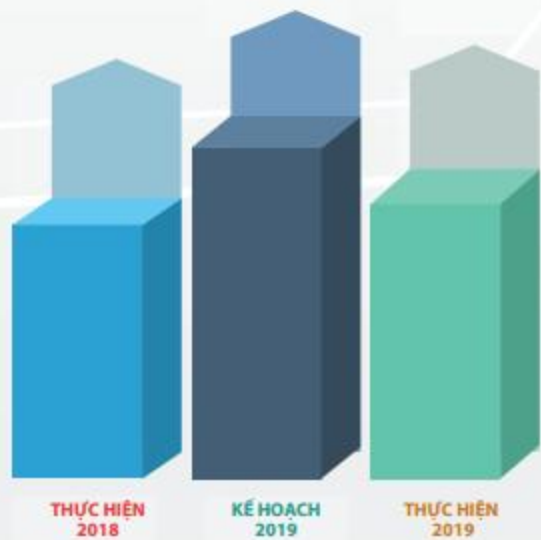
### LNTT HỢP NHẤT



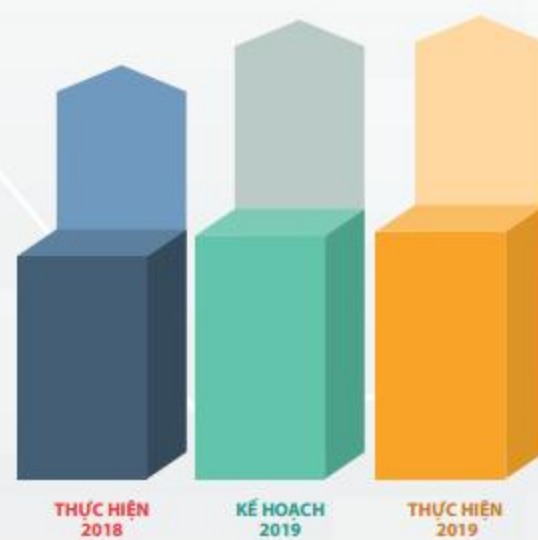
## TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN



### LNST HỢP NHẤT



### LNST HỢP NHẤT CỦA CỔ ĐÔNG CÔNG TY MẸ





# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Nhân sự và những thay đổi nhân sự Ban điều hành trong năm 2019

Trong năm 2019, công ty không có thay đổi nhân sự Ban điều hành. Danh sách Ban điều hành của công ty như sau:

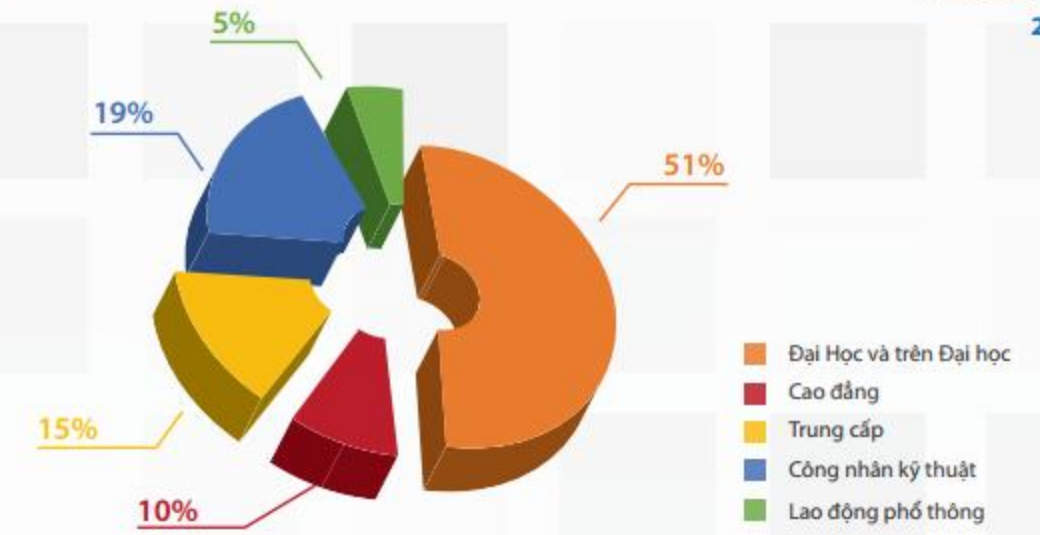
<b>Ông Lê Xuân Tiến</b> Năm sinh: 1975 Kỹ sư Điện tử - Viễn thông Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc Công ty	Số cổ phần nắm giữ: Đại diện: 705.439 Sở hữu cá nhân: 309.562
<b>Ông Bùi Văn Bằng</b> Năm sinh: 1976 Kỹ sư Điện - Điện tử	Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty Giám đốc TT. Dịch vụ Kỹ thuật	Số cổ phần nắm giữ: Đại diện: 705.439 Sở hữu cá nhân: 0
<b>Ông Trần Văn Mua</b> Năm sinh: 1979 Kỹ sư Kỹ thuật Viễn thông	Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty	Số cổ phần nắm giữ: Đại diện: 0 Sở hữu cá nhân: 0
<b>Bà Nguyễn Thụy Kiều Giang</b> Năm sinh: 1981 Cử nhân Tài chính Ngân hàng	Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty	Số cổ phần nắm giữ: Đại diện: 0 Sở hữu cá nhân: 0

### Số lượng cán bộ nhân viên

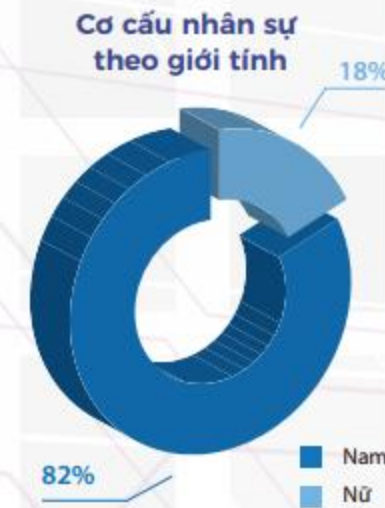
Năm 2019, để đáp ứng yêu cầu mở rộng phát triển các hoạt động dịch vụ kỹ thuật mới, Công ty đã đẩy mạnh công tác tuyển dụng và đào tạo lao động. Với đội ngũ lao động kỹ thuật có tay nghề kỹ thuật cao, Công ty luôn đảm bảo triển khai các dự án công nghệ-thông tin nhanh chóng và đảm bảo chất lượng cao nhất, luôn được khách hàng tin tưởng và đánh giá cao.

Trong năm 2019, nhân sự toàn Công ty là 161 người, trong đó Công ty mẹ là 95 người.

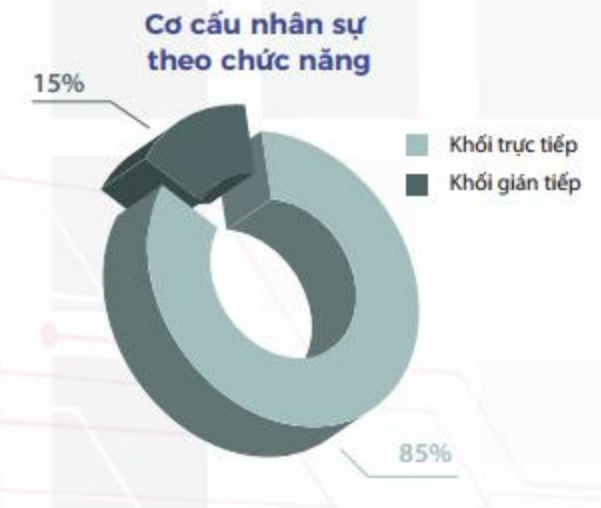
Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Đại học và trên Đại học	82	51%
Cao đẳng	16	10%
Trung cấp	24	15%
Công nhân kỹ thuật	31	19%
Lao động phổ thông	8	5%



Cơ cấu nhân sự theo trình độ



Cơ cấu nhân sự theo giới tính



Cơ cấu nhân sự theo chức năng

### Chính sách đối với Người lao động

Tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều được ký Hợp đồng lao động và được hưởng tất cả các chế độ theo Quy định của Bộ luật Lao động như: Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y Tế, Bảo hiểm thất nghiệp, thời gian nghỉ ngơi và các chế độ ưu tiên cho lao động nữ,...

Các chính sách đã và đang thực hiện thể hiện sự quan tâm cao nhất của doanh nghiệp đến lợi ích của Người lao động trong khuôn khổ của Pháp luật hiện hành nhằm động viên, khích lệ người lao động phát huy sáng tạo trong lao động sản xuất, xây dựng Công ty ngày càng phát triển; chọn công ty là nơi gắn bó lâu dài.

Công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc cho Người lao động được đảm bảo, đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động ngày càng được nâng cao bằng nhiều biện pháp thiết thực, phù hợp với từng đối tượng.

Công tác đào tạo và đào tạo lại nghề cho người lao động được Lãnh đạo Công ty hết sức quan tâm với chủ trương đầu tư một cách có hiệu quả cho nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời quy mô phát triển của công ty; Công ty tạo điều kiện và khuyến khích người lao động học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ để công tác đạt hiệu quả cao. Thu nhập bình quân năm 2019 khoảng 22 triệu đồng/người/tháng.



# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

## Các khoản đầu tư

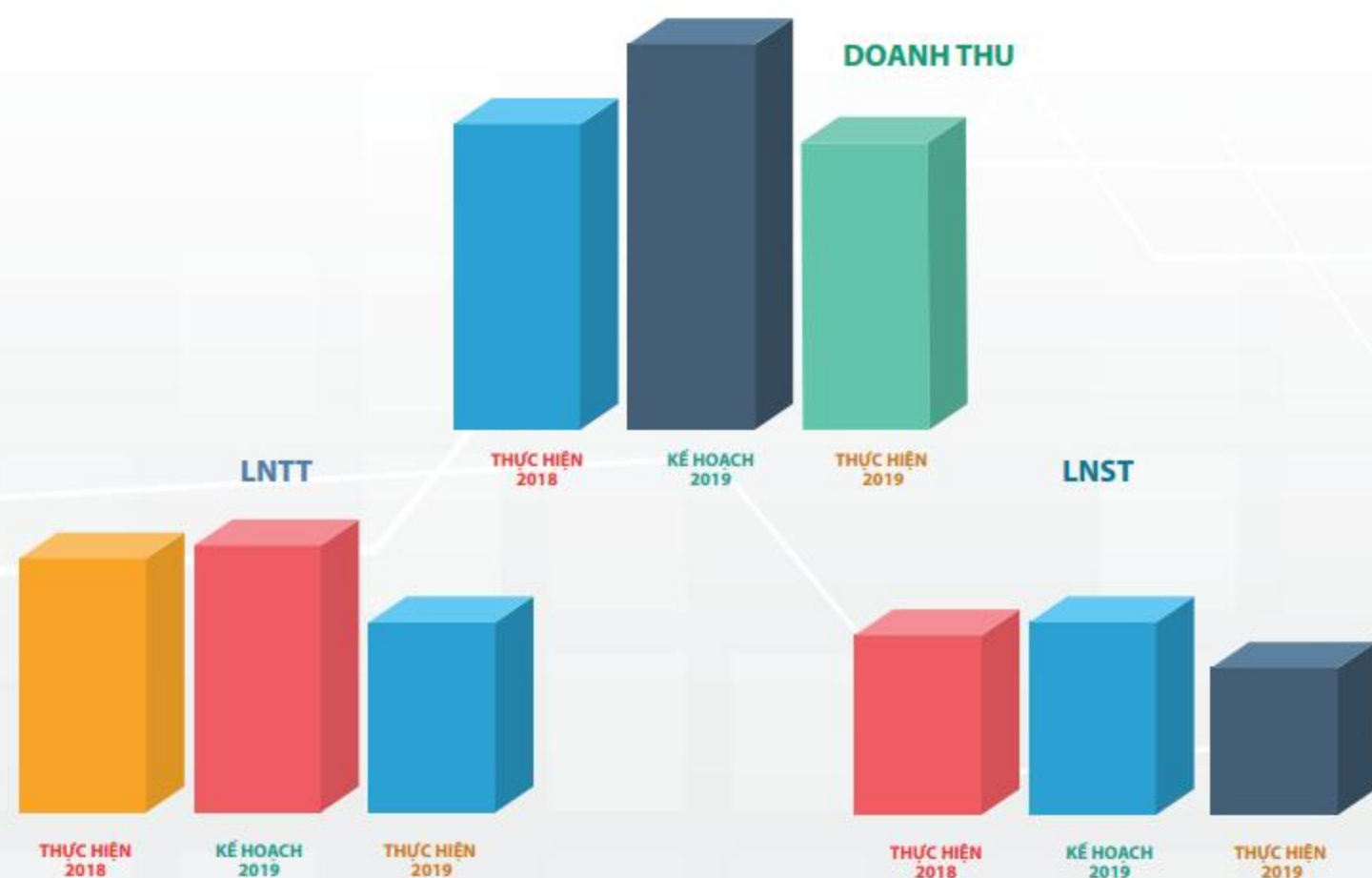
Trong năm 2019, Công ty tập trung nguồn tiền để thực hiện triển khai các hợp đồng có giá trị lớn nhằm mục đích tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, tạo được tiền để thuận lợi cho các năm tiếp theo. Do đó trong năm 2019 Công ty không đầu tư vốn thêm ra bên ngoài.

## Tình hình đầu tư vào các Công ty con/Công ty liên kết

Trong năm 2019, Công ty cổ phần Viễn thông VTC không đầu tư thêm vốn vào công ty con, công ty liên kết. Do đó tính đến thời điểm 31/12/2019 Công ty chỉ có một công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh.

## Tình hình hoạt động SXKD của Công ty con STID

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	So với kế hoạch năm 2019	So với kế hoạch năm 2018
I	Doanh thu	60.583	65.000	55.449	85%	92%
II	LNTT	8.426	8.500	4.960	58%	59%
III	LNST	6.699	6.800	3.920	58%	59%



## Tình hình tài chính

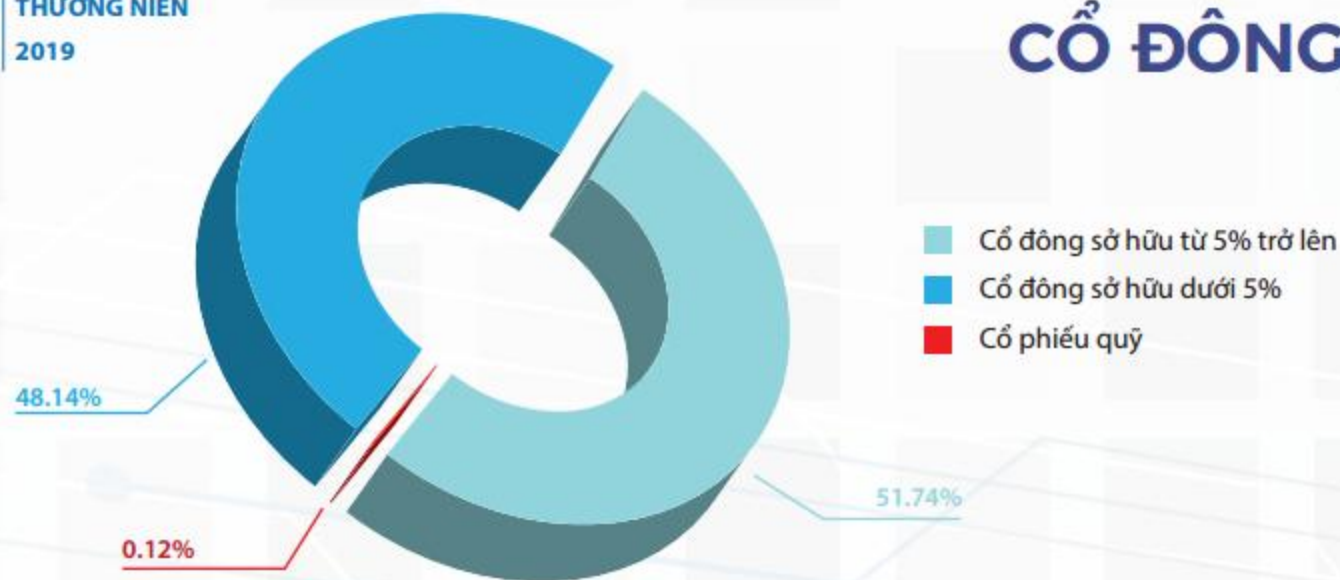
Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	473,800	536,061	13.14%
Doanh thu thuần	490,647	653,474	33.19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15,522	14,443	-6.95%
Lợi nhuận khác	496	337	-32.06%
Lợi nhuận trước thuế	16,019	14,781	-7.73%
Lợi nhuận sau thuế	10,922	11,455	4.88%
Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ	8,243	9,887	19.94%
Tỷ lệ trả cổ tức	10	11	10.00%

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn:	1.17	1.15
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1.01	1.03
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	80.30%	82.08%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	407.49%	457.91%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	8.27	10.76
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.04	1.22
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2.23%	1.75%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11.70%	11.92%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2.31%	2.14%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3.16%	2.21%



## CỔ ĐÔNG, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



### Cổ đông trong nước

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước:

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)/vốn điều lệ
Tổ chức	22	2,353,247	51.89%
Cá nhân	1,606	1,653,671	36.47%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,628</b>	<b>4,006,918</b>	<b>88.36%</b>

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn trong nước:

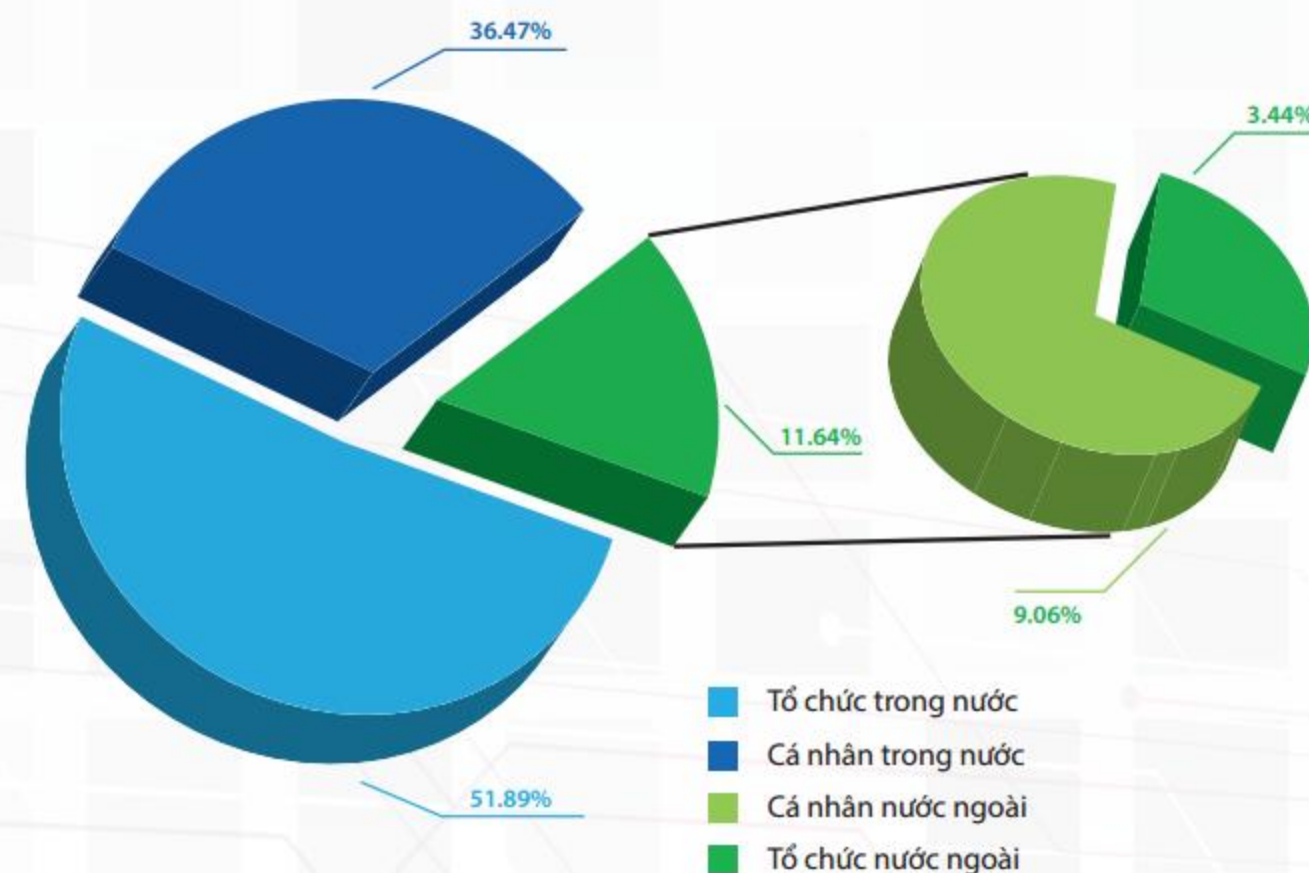
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	1	2,116,316	46.67%
Ông Lê Xuân Tiến (Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty)	1	309,562	6.83%
Công ty TNHH Quốc tế DP	1	230,000	5.07%

### Cổ đông nước ngoài

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài:

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)/vốn điều lệ
Tổ chức	12	117,129	2.58%
Cá nhân	152	410,649	9.06%
<b>Tổng cộng</b>	<b>164</b>	<b>527,778</b>	<b>11.64%</b>

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn nước ngoài: Không có cổ đông lớn nước ngoài



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Tổng số cổ phiếu quỹ: 5.553 cổ phiếu
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Các chứng khoán khác: Không

"Thông tin cổ đông theo Danh sách người sở hữu chứng khoán vào ngày đăng ký cuối cùng là ngày 27/03/2020"



---

# **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---





# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2019, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả quan trọng và toàn diện. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các tỉnh thành phố trên cả nước đang đẩy mạnh xây dựng thành phố thông minh, xây dựng và thực hiện lộ trình nâng cao năng lực công nghệ quốc gia, các nhà khai thác mạng đầu tư, nghiên cứu phát triển mạng 4G và 5G, IoT, viễn thông di động tiên tiến, đang giúp ngành công nghệ thông tin tiếp tục tăng trưởng và đạt doanh thu cao.

Trong năm 2019, mặc dù còn nhiều khó khăn thách thức nhưng HĐQT và Ban điều hành Công ty vẫn kiên trì bám sát thực hiện các mục tiêu đã đề ra và đã thực hiện những giải pháp hiệu quả để hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019, cụ thể:

- Bám sát định hướng của Tập đoàn VNPT để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp và hiệu quả. Tập trung đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, đón đầu và khai thác hiệu quả các cơ hội trong mảng thị trường chiến lược đồng thời tiếp cận mở rộng sang các thị trường tiềm năng mới.
- Tập trung nghiên cứu phát triển các sản phẩm, giải pháp theo xu hướng công nghệ mới, phù hợp với định hướng của Tập đoàn VNPT và ngành Viễn thông, Công nghệ thông tin.
- Tiếp tục triển khai các giải pháp tối ưu hóa nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD, đảm bảo và nâng cao đời sống CBNV, đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư.

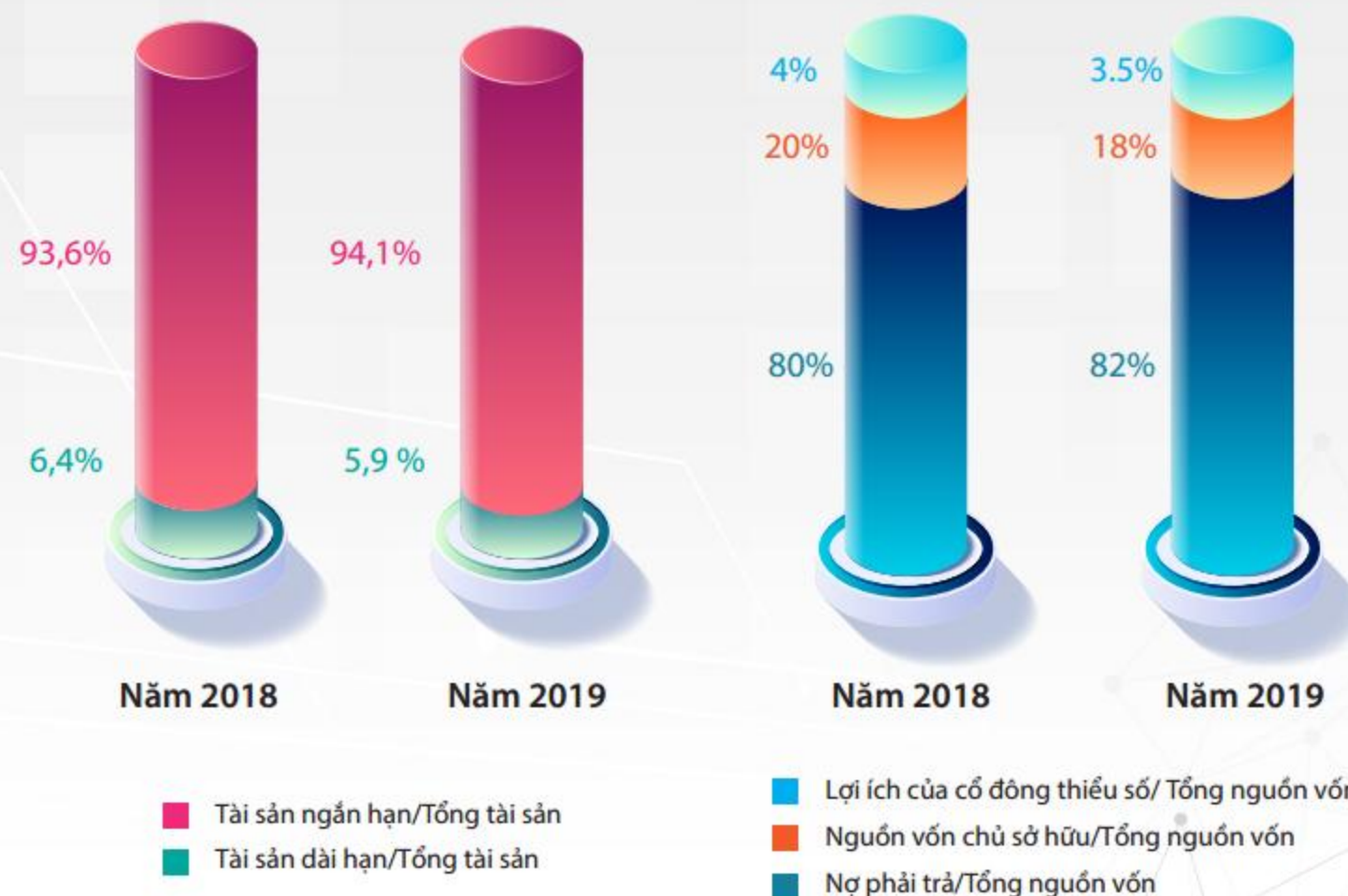
Trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, Ban Điều hành Công ty đã có những cải tiến linh hoạt trong cơ cấu tổ chức quản lý và đã đạt được hiệu quả cao.

• Đảm bảo đủ và kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019. Việc quản lý sử dụng vốn được thực hiện linh hoạt, nguồn vốn vay và vốn tự có đã được sử dụng hợp lý cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.

• Tình hình tài chính minh bạch, phản ánh trung thực hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nguồn vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển. Các khoản nợ được giám sát chặt chẽ, tăng cường đẩy nhanh tiến độ thu hồi nợ.

• Bộ máy tổ chức Công ty hoạt động ổn định hiệu quả: Sắp xếp nguồn lực hợp lý theo nguyên tắc đảm bảo tập trung vào những lĩnh vực chủ yếu phù hợp với chức năng nhiệm vụ và thế mạnh của từng đơn vị, phòng ban trong công ty.

• Công tác tiền lương và chế độ chính sách trong năm 2019 cũng được Ban Tổng giám đốc đặc biệt quan tâm: điều chỉnh phù hợp với năng lực và mức độ đóng góp của từng cá nhân vào hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo tăng thu nhập cho CBNV Công ty.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1	Tổng giá trị tài sản	473,800	536,061
2	Tài sản ngắn hạn	443,800	504,536
3	Nợ ngắn hạn	380,438	439,977
4	Vốn chủ sở hữu	93,362	96,084



## ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020



Năm 2020, Ngân hàng thế giới nhận định triển vọng kinh tế thế giới có chiều hướng xấu, nền kinh tế thế giới sẽ chịu ảnh hưởng bởi cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung tiếp tục kéo dài. Đặc biệt dịch bệnh COVID-19 xảy ra và lan rộng đến nhiều quốc gia làm cho tình hình kinh tế thế giới càng thêm biến động và nhiều khó khăn.

Kinh tế trong nước phải đối mặt với những rủi ro, thách thức khó lường của thị trường, kết hợp với các yếu tố rủi ro chính trị, năm 2020 được nhận định là một năm đầy khó khăn đối với các doanh nghiệp ở nhiều lĩnh vực trong đó có Viễn thông và Công nghệ thông tin.

Với tình hình và xu thế phát triển chung của thế giới cũng như trong nước. Định hướng chiến lược phát triển Viễn thông và Công nghệ thông tin của Tập đoàn VNPT, Công ty nhận thức chung về thị trường năm 2020 như sau:

### KHÓ KHĂN

- Thị trường viễn thông và công nghệ thông tin tiếp tục có sự cạnh tranh khốc liệt.
- Tình hình dịch bệnh COVID-19 khiến cho tình trạng lạm phát gia tăng dẫn đến nhiều khó khăn trong hoạt động thương mại.
- Điều kiện về hạ tầng công nghệ và nguồn nhân lực chưa sẵn sàng để thích ứng và tận dụng cơ hội mà Cách mạng Công nghiệp 4.0 mang đến dẫn đến sự khan hiếm nguồn nhân lực công nghệ thông tin "chất lượng cao" đáp ứng với xu thế phát triển của công nghệ mới.
- Tình hình tài chính, tỷ giá ngoại tệ, lãi suất và chính sách vay vốn của ngân hàng có nhiều biến động.

### THUẬN LỢI

- Thị trường Viễn thông và Công nghệ thông tin trong giai đoạn năng động và cực kỳ phát triển, đây là cơ hội và thách thức đối với các doanh nghiệp trong ngành vận động và thích ứng với thị trường, khai thác thị trường hiệu quả.
- Việc đẩy mạnh chiến lược hợp tác giữa Tập đoàn VNPT và các cơ quan chính quyền địa phương, các tập đoàn kinh tế cũng như tăng cường hợp tác với các công ty trong và ngoài nước để xây dựng và phát triển dịch vụ mới, sẽ mở ra thị trường mới, cơ hội phát triển sản phẩm mới cho Công ty
- Trình độ kỹ thuật, công nghệ của Công ty đã được khẳng định qua nhiều năm và được các khách hàng nhìn nhận đánh giá cao. Đây là một trong những lợi thế không nhỏ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

01

### MỤC TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN

- Năm 2020 là năm đột phá trong công tác xây dựng Chính phủ điện tử của Chính phủ do đó cần đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng trong thời gian tới để đáp ứng Chính phủ điện tử, tập trung các sản phẩm đón đầu xu thế công nghệ mới.
- Bên cạnh việc duy trì các sản phẩm dịch vụ mũi nhọn cần tập trung nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của thị trường. Tăng cường nghiên cứu các sản phẩm cung cấp cho các ứng dụng công nghệ 4.0 phù hợp với nhu cầu và xu hướng hội nhập.

02

### MỤC TIÊU VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

Đẩy mạnh công tác giám sát quản trị chất lượng sản phẩm dịch vụ, tối ưu hóa nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn, phát triển vốn của cổ đông và đảm bảo hài hòa lợi ích của người lao động.

03

### MỤC TIÊU VỀ QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

- Thực hiện chính sách thu hút, chiêu mộ tài năng, thu hút nhân tài đồng thời khuyến khích nghiên cứu sáng tạo để tạo động lực cống hiến cho sự phát triển của Công ty.
- Duy trì và tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức nhằm phát huy tối đa tính hiệu quả của nguồn nhân lực trong Công ty.



## 01

### ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra mạnh mẽ tại các quốc gia phát triển như một xu thế tất yếu và Việt Nam cần phải nắm bắt để bắt kịp xu hướng phát triển của thế giới về cuộc cách mạng công nghiệp này.

Trong bối cảnh hoạt động viễn thông và công nghệ thông tin trong nước nói chung và của Tập đoàn VNPT nói riêng đang phát triển theo hướng đa dạng và tăng trưởng nhanh. Trước những cơ hội cũng như thách thức đó, HĐQT, Ban điều hành và toàn thể CBNV Công ty đã quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông giao. Ban Điều hành Công ty đã tuân thủ và quyết tâm nỗ lực hoàn thành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị giao. Về tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị nhận thấy hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được sự ổn định và có sự tăng trưởng.

- Doanh thu công ty có sự tăng trưởng mạnh mẽ qua các năm, Công ty đã mở rộng thêm hoạt động kinh doanh sang các lĩnh vực mới nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Luôn bám sát mục tiêu phát triển bền vững, hoạt động kinh doanh luôn đặt chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ lên hàng đầu do đó được khách hàng, chủ đầu tư đánh giá cao, giữ vững được các khách hàng truyền thống và phát triển được thêm các thị trường tiềm năng.
- Hoạt động nghiên cứu phát triển luôn được chú trọng phát triển và đã có được các sản phẩm giải pháp kinh doanh hiệu quả trên thị trường, được thị trường đón nhận và tạo được uy tín cao.
- Hoạt động kinh doanh trong năm 2019 đã tạo được những tiền đề thuận lợi làm bước tiến để triển khai kế hoạch năm 2020 và kế hoạch giai đoạn 2020 – 2025.
- Trong năm 2019, các thành viên HĐQT đã tích cực hỗ trợ và chỉ đạo kịp thời công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giữ vững và tiếp tục phát huy những thành công Công ty đã đạt được, HĐQT luôn ý thức trách nhiệm và nhiệm vụ được ĐHCĐ giao; Hoạt động tích cực và nhất quán trong chỉ đạo. Sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban điều hành đã góp phần mang lại hiệu quả cao trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## 02

### ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

Hội đồng quản trị nhận định, năm 2020 là một năm đầy khó khăn đối với các doanh nghiệp ở nhiều lĩnh vực trong đó có viễn thông và công nghệ thông tin. Bám sát định hướng phát triển Chiến lược VNPT 4.0 của Tập đoàn VNPT; Định hướng của Chính phủ, Bộ TT&TT về phát triển về hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, xây dựng chính phủ điện tử, Công ty đề ra mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 như sau:

- Tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, gia tăng lợi ích của người lao động và nhà đầu tư
- Tiếp tục bám sát thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, công nghệ hiện đại, chú trọng phát triển các thế mạnh trong hoạt động dịch vụ kỹ thuật, đặt chất lượng dịch vụ lên hàng đầu, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng để đáp ứng Chính phủ điện tử, tập trung các sản phẩm đón đầu xu thế công nghệ mới.
- Tập trung nghiên cứu phát triển các sản phẩm, giải pháp theo xu hướng công nghệ mới, phù hợp với định hướng của Tập đoàn VNPT và ngành viễn thông, công nghệ thông tin. Với vai trò là đơn vị thành viên của Tập đoàn VNPT, Công ty luôn xác định gắn trách nhiệm vào chuỗi giá trị chung của Tập đoàn và hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ Tập đoàn giao.



---

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

---





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2019, các thành viên HĐQT đã tích cực hỗ trợ và chỉ đạo kịp thời công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong công tác điều hành, HĐQT đã tổ chức thành công:

- 01 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- 10 phiên họp HĐQT định kỳ và lấy ý kiến thành viên HĐQT để chỉ đạo thực hiện các hoạt động SXKD của Công ty.

HĐQT luôn chú trọng thực hiện chức năng của mình, kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Ban Điều hành trong công tác triển khai các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban hành các Nghị quyết và Quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty hoạt động. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo sát sao Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019. HĐQT đánh giá đã thực hiện thành công các nhiệm vụ sau:

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định, kiên trì bám sát thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, công nghệ hiện đại, chú trọng phát triển được các thế mạnh trong hoạt động dịch vụ kỹ thuật, đặt chất lượng dịch vụ lên hàng đầu, nâng cao năng lực cạnh tranh. Đảm bảo là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ viễn thông.
- Đảm bảo tài chính Công ty an toàn. Sử dụng nguồn vốn vay và vốn tự có một cách linh hoạt, hiệu quả.
- Đào tạo phát triển đội ngũ CBNV, nâng cao trình chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt sự phát triển và mở rộng SXKD của công ty.

## BAN KIỂM SOÁT

Thông qua chương trình hoạt động năm 2019, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty; giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và cán bộ quản lý; phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành. Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc kiểm tra tính tuân thủ các Quy chế, Điều lệ, tính hợp lý trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp từ Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và cán bộ quản lý các đơn vị như cung cấp các báo cáo, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát, cử cán bộ làm việc với Ban kiểm soát khi có yêu cầu.

### Danh sách thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 - 2019

Họ tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	
		Đại diện	Sở hữu CN
Ông Lê Xuân Tiến	Chủ tịch HĐQT	705.439	309.562
Ông Bùi Văn Bằng	Thành viên HĐQT	705.439	0
Bà Lê Thị Thanh	Thành viên HĐQT		
Ông Võ Hùng Tiến	Thành viên HĐQT		20.519
Ông Hồ Lê Nhật Hoan	Thành viên HĐQT		

### Danh sách thành viên BKS nhiệm kỳ 2015 - 2019

Họ tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	
		Đại diện	Sở hữu CN
Ông Nguyễn Thiện Lợi	Trưởng Ban kiểm soát		6.000
Ông Nguyễn Văn Xuân	Thành viên Ban kiểm soát	705.438	0
Ông Nguyễn Minh Vũ	Thành viên Ban kiểm soát		11



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

### THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT

Năm 2019, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông công ty mẹ đạt 9.887 triệu đồng đạt 100% so với kế hoạch; Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, tổng số tiền thù lao HĐQT/BKS năm 2019 được chi tương ứng là 468.800.000 đồng x tỷ lệ hoàn thành kế hoạch LNST hợp nhất của cổ đông công ty mẹ, cụ thể:

**468.800.000 đồng x 100% = 468.800.000 đồng**

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người có liên quan:

Trong năm 2019, Ông Lê Xuân Tiến, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện các giao dịch mua cổ phiếu của Công ty, cụ thể:

Giao dịch mua 222.400 cổ phiếu, tăng số lượng cổ phiếu sở hữu từ 87.162 cổ phiếu lên 309.562 cổ phiếu (chiếm 6,83% vốn điều lệ)

### HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2019 Công ty không phát sinh hợp đồng, giao dịch với cổ đông nội bộ.



## QUẢN TRỊ RỦI RO

### RỦI RO KINH TẾ

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ,... sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của mọi loại hình doanh nghiệp. Với các công ty về công nghệ thông tin, dịch vụ viễn thông thì ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế vĩ mô nhanh hơn và tác động mạnh hơn so với phần lớn các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề khác bởi hoạt động công nghệ thông tin trong các năm gần đây bắt đầu chiếm lĩnh và tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của nền kinh tế.

Là một công ty công nghệ thông tin, dịch vụ viễn thông nên hiệu quả hoạt động của VTC Telecom chịu ảnh hưởng trực tiếp của các yếu tố kinh tế vĩ mô và thị trường viễn thông, công nghệ thông tin. Do vậy, nhằm hạn chế những tác động bất lợi từ những chuyển động của nền kinh tế và thị trường viễn thông, công nghệ thông tin tới hiệu quả hoạt động của công ty, VTC Telecom luôn cập nhật các biến động của nền kinh tế, đánh giá các tác động của các chính sách đến thị trường, đưa ra những dự báo của riêng mình và các phương án chủ động điều chỉnh hoạt động phù hợp.

### RỦI RO ĐẶC THÙ

Nhận định về thị trường Viễn thông, Công nghệ thông tin trong xu thế mới, luôn luôn chuyển động và không ngừng thay đổi. Sự thay đổi mang đến cơ hội mới đồng thời cũng mang đến những thách thức mới, rủi ro mới đối với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin. Với xu thế phát triển chung của thế giới cũng như trong nước; Định hướng chiến lược phát triển Viễn thông và Công nghệ thông tin của Tập đoàn VNPT, Công ty VTC cũng nhận định những khó khăn về thị trường như sau:

- Cạnh tranh mạnh mẽ về giá các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp trong lĩnh vực Viễn thông, Công nghệ thông tin.
- Điều kiện về hạ tầng công nghệ và nguồn nhân lực chưa sẵn sàng để thích ứng và tận dụng cơ hội mà Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư mang đến dẫn đến sự khan hiếm nguồn nhân lực công nghệ thông tin "chất lượng cao" đáp ứng với xu thế phát triển của công nghệ mới.
- Việc mở rộng thị trường tìm kiếm khách hàng mới đối mặt với nhiều đối thủ cạnh tranh.

### RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Do đặc thù của ngành, nguồn nhân lực trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin luôn đòi hỏi có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao. Đảm bảo đủ nguồn nhân lực chất lượng cao là sống còn với các công ty công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông. Khi thị trường tăng trưởng, sự cạnh tranh giữa các nhà cung cấp dịch vụ trong việc thu hút nhân lực là rất gay gắt. Tuy nhiên xác định con người là sức mạnh cốt lõi, VTC Telecom luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, mang đậm văn hóa VTC Telecom. Nhờ những nỗ lực trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự, trọng dụng nhân tài, chú trọng đầu tư đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, hiện VTC Telecom đã và đang tạo ra được sự ổn định về mặt nhân sự, đặc biệt là nhân sự cấp cao.

### RỦI RO KHÁC

Giá cổ phiếu của VTC Telecom không thể tránh khỏi những biến động chung của thị trường chứng khoán Việt Nam và thị trường chứng khoán thế giới. Đặc biệt khi cổ phiếu đã được niêm yết, các yếu tố trên ảnh hưởng trực tiếp đến giá giao dịch cổ phiếu của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh ... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.



---

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2019

---





Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty thành viên của *JPA International*  
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM  
Trụ sở văn phòng : 156-158 Phố Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM  
Tel : +84 (28) 3999 00 91-97 Fax : +84 (28) 3999 00 90  
Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com) Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



# **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC**



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Điều hành	02 - 06
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	09 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 60

---





## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Viễn thông VTC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty (bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh – Công ty con).

### 1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Viễn thông VTC được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước của Công ty Thiết bị Điện thoại là “Trung tâm nguyên cứu sản xuất và bảo dưỡng thiết bị thông tin 1 (VTC1)” theo Quyết định số 618/1999/QĐ-TCCB ngày 8 tháng 9 năm 1999 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 16 tháng 06 năm 2015 với mã số doanh nghiệp 0301888195 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Mã chứng khoán : VTC.

Vốn điều lệ : 45.346.960.000 đồng.

### 2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 750 (Lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Văn phòng đại diện : Số nhà 355, phố Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: VTC Telecommunication Joint Stock Company

Điện thoại : + 84-(28) 3833 1106

Fax : + 84-(28) 3830 0253

### 3. Cấu trúc

#### Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh	Lô I-3b-4-a, đường N6, Khu công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9, TPHCM.	In ấn, sản xuất các loại thẻ dùng trong lĩnh vực Bưu chính Viễn thông, sản xuất phần mềm, mua bán máy móc, nguyên vật liệu sản xuất thẻ.....	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%





#### 4. Ngành nghề kinh doanh

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt các động cơ nổ và thiết bị lạnh;
- Lắp đặt hệ thống điện: Lắp đặt và sửa chữa các công trình, các thiết bị bu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, các thiết bị đầu cuối dùng trong viễn thông;
- Sửa chữa các thiết bị liên lạc: Sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp hỗ trợ vận hành các thiết bị, công trình bu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học, điện thoại di động.
- Sửa chữa máy vi tính và các thiết bị ngoại vi: Sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng, bảo hành các loại thẻ, thiết bị phần cứng, phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ;
- Xuất bản phần mềm: Viết phần mềm, sản xuất phần mềm điện thoại di động, sản xuất phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn văn phòng phẩm;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý ký gửi hàng hóa. Đại lý phân phối sản phẩm cáp và thiết bị viễn thông. Đại lý mua bán hàng hóa. Đại lý cung cấp các dịch vụ bu chính viễn thông;
- Hoạt động viễn thông khác: Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng Internet. Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm chất lượng thiết bị mạng dịch vụ viễn thông, tin học. Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có VOIP. Hoạt động các điểm truy cập Internet;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- In ấn: Sản xuất các loại thẻ (card) dùng trong lĩnh vực tin học, viễn thông, bảo vệ và các ứng dụng khác, in offset, in nhiệt trên thẻ;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Mua bán các thiết bị đầu cuối dùng cho mạng viễn thông, thiết bị điện tử, tin học, điện thoại di động;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện - điện tử, tin học;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn quản lý, khảo sát các công trình bu chính, viễn thông, điện tử, tin học. Tư vấn giám định tổn thất công trình, thiết bị bu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng và sửa chữa các công trình viễn thông, điện - điện tử, tin học, cơ sở hạ tầng công trình viễn thông;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Nghiên cứu các thiết bị, công trình bu chính, viễn thông, điện - điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị lạnh;





- Sản xuất thiết bị truyền thông: Sản xuất các thiết bị bua chính, viễn thông, điện - điện tử, tin học. Sản xuất, lắp ráp điện thoại di động, các thiết bị phần cứng của điện thoại di động;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khí tượng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Cổng thông tin. Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;
- Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động.

## 5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

### 5.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Lê Xuân Tiến	Chủ tịch
Ông Hồ Lê Nhật Hoan	Thành viên
Ông Võ Hùng Tiến	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh	Thành viên
Ông Bùi Văn Bằng	Thành viên

### 5.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Thiện Lợi	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Xuân	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Vũ	Thành viên

### 5.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Lê Xuân Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Mua	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thụy Kiều Giang	Kế toán trưởng

3031  
CỔ  
ÁCH N  
M T O  
CHU  
5-7



## 6. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Xuân Tiến – Tổng Giám đốc Công ty.

## 7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 09 đến trang 60.

## 8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## 10. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm

2019  
NG  
HIỆM  
ÁN VÀ  
ẤN  
P. H



nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 11. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp.HCM, ngày 25 tháng 3 năm 2020



LÊ XUÂN TIẾN  
Tổng Giám đốc Công ty

5-C  
TY  
ĐU  
TUV  
VIỆ  
5-C



Số: 2133/20/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020 (từ trang 09 đến trang 60), bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty Cổ phần Viễn thông VTC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2020.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



ThS. Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN số: 1523-2018-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Nga- Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN số: 0351-2018-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>504.536.395.032</b>	<b>443.800.156.194</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>47.159.430.692</b>	<b>49.787.711.045</b>
111	1. Tiền		38.408.550.692	29.268.994.605
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.750.880.000	20.518.716.440
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>17.500.000.000</b>	<b>17.500.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	17.500.000.000	17.500.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>387.184.554.377</b>	<b>317.944.201.264</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	354.362.749.128	272.386.709.973
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	25.142.361.147	27.617.942.061
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	7.939.629.302	18.109.829.230
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(260.185.200)	(170.280.000)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.7	<b>52.075.090.697</b>	<b>57.849.143.958</b>
141	1. Hàng tồn kho		53.047.549.500	57.849.143.958
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(972.458.803)	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>617.319.266</b>	<b>719.099.927</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	594.803.123	708.633.062
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		22.516.143	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	10.466.865
200	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>31.524.184.467</b>	<b>30.000.221.189</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.172.362.980</b>	<b>998.692.229</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	1.172.362.980	998.692.229
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>23.179.317.878</b>	<b>22.147.606.877</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	23.093.211.365	22.019.715.956
222	- Nguyên giá		59.551.542.992	59.052.889.506
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(36.458.331.627)	(37.033.173.550)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	86.106.513	127.890.921
228	- Nguyên giá		306.674.864	306.674.864
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(220.568.351)	(178.783.943)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>700.000.000</b>	<b>700.000.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	700.000.000	700.000.000
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>350.000.000</b>	-
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	350.000.000	-
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.122.503.609</b>	<b>6.153.922.083</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	6.122.503.609	6.153.922.083
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>536.060.579.499</b>	<b>473.800.377.383</b>



Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>		439.976.945.469	380.438.358.472
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		439.976.945.469	380.438.358.472
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	228.433.985.820	174.796.483.779
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	7.737.817.800	5.350.523.109
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	9.931.588.512	4.038.844.190
314	4. Phải trả người lao động	V.15	8.783.743.062	7.015.604.500
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	24.945.253.800	750.861.365
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	8.931.572.139	6.970.343.025
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18	148.294.895.225	178.992.364.787
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	2.918.089.111	2.523.333.717
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
400	<b>D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		96.083.634.030	93.362.018.911
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.20	96.083.634.030	93.362.018.911
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		45.346.960.000	45.346.960.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		45.346.960.000	45.346.960.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		200.264.000	200.264.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(55.530.000)	(55.530.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		8.720.968.609	7.072.446.817
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		301.175.122	358.386.611
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.655.800.320	20.376.736.013
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		13.003.632.571	12.480.186.676
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		9.652.167.749	7.896.549.337
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		18.913.995.979	20.062.755.470
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		536.060.579.499	473.800.377.383

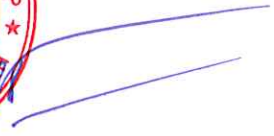
TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỤY KIỀU GIANG

NGUYỄN THỤY KIỀU GIANGC

LÊ XUÂN TIẾN

3303  
C  
TRÁCH  
TIÊM T  
CH  
5




## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	653.474.438.435	490.646.880.110
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		653.474.438.435	490.646.880.110
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	591.425.400.300	428.383.998.784
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		62.049.038.135	62.262.881.326
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	3.160.371.472	1.589.162.569
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	11.672.795.131	14.303.627.117
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		10.968.226.224	13.450.202.107
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	21.555.036.283	17.410.156.772
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	17.538.134.505	16.615.836.849
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.443.443.688	15.522.423.157
31	12. Thu nhập khác	VI.7	6.123.491.908	637.168.276
32	13. Chi phí khác	VI.8	5.786.343.288	141.009.046
40	14. Lợi nhuận khác		337.148.620	496.159.230
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.780.592.308	16.018.582.387
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.9	3.325.172.795	5.096.448.802
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.455.419.513	10.922.133.585
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		9.887.374.501	8.242.608.958
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.568.045.012	2.679.524.627
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	1.776	1.504
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	1.776	1.504

Người lập biểu



NGUYỄN THỤY KIỀU GIANG

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỤY KIỀU GIANG

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2020



Tăng Giám đốc



LÊ XUÂN TIẾN



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.780.592.308	16.018.582.387
	2. Điều chỉnh các khoản		11.047.972.042	11.240.563.964
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	V.9-10	2.594.512.635	2.528.400.516
03	- Các khoản dự phòng	VI.6-7	1.062.364.003	(2.194.125.260)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(707.111.266)	(5.736.296)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.870.019.554)	(2.538.177.103)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	10.968.226.224	13.450.202.107
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		25.828.564.350	27.259.146.351
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(68.737.375.101)	(19.105.883.759)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	V.7	4.801.594.458	(9.923.938.920)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		85.705.746.639	(17.332.922.034)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.8	145.248.413	(1.300.304.838)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.754.320.459)	(11.673.512.498)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(1.514.858.531)	(4.363.699.824)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(888.930.000)	(612.680.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		34.585.669.769	(37.053.795.522)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.626.223.636)	(1.030.902.454)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.7	844.786.909	272.727.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2	(41.850.000.000)	(17.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2	41.500.000.000	21.060.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.083.278.501	2.035.900.775
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.048.158.226)	4.837.725.594
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.18	399.586.634.106	407.816.944.079
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.18	(430.284.103.668)	(355.836.019.382)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.20	(6.175.433.600)	(2.560.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(36.872.903.162)	49.420.924.697
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(3.335.391.619)	17.204.854.769
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		49.787.711.045	32.577.119.980
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		707.111.266	5.736.296
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	47.159.430.692	49.787.711.045

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỤY KIỀU GIANG

NGUYỄN THỤY KIỀU GIANG

LÊ XUÂN TIẾN



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ và công ty con”)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh hoạt động trong lĩnh vực Sản xuất Công nghiệp, Thương mại – Dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt các động cơ nổ và thiết bị lạnh;
- Lắp đặt hệ thống điện: Lắp đặt và sửa chữa các công trình, các thiết bị bu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, các thiết bị đầu cuối dùng trong viễn thông;
- Sửa chữa các thiết bị liên lạc: Sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp hỗ trợ vận hành các thiết bị, công trình bu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học, điện thoại di động.
- Sửa chữa máy vi tính và các thiết bị ngoại vi: Sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng, bảo hành các loại thẻ, thiết bị phần cứng, phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ;
- Xuất bản phần mềm: Viết phần mềm, sản xuất phần mềm điện thoại di động, sản xuất phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn văn phòng phẩm;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý ký gửi hàng hóa. Đại lý phân phối sản phẩm cáp và thiết bị viễn thông. Đại lý mua bán hàng hóa. Đại lý cung cấp các dịch vụ bu chính viễn thông;
- Hoạt động viễn thông khác: Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng Internet. Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm chất lượng thiết bị mạng dịch vụ viễn thông, tin học. Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có VOIP. Hoạt động các điểm truy cập Internet; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- In ấn: Sản xuất các loại thẻ (card) dùng trong lĩnh vực tin học, viễn thông, bảo vệ và các ứng dụng khác, in offset, in nhiệt trên thẻ;





- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Mua bán các thiết bị đầu cuối dùng cho mạng viễn thông, thiết bị điện tử, tin học, điện thoại di động;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện - điện tử, tin học;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn quản lý, khảo sát các công trình bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học. Tư vấn giám định tổn thất công trình, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng và sửa chữa các công trình viễn thông, điện - điện tử, tin học, cơ sở hạ tầng công trình viễn thông;
- Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Nghiên cứu các thiết bị, công trình bưu chính, viễn thông, điện - điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị lạnh;
- Sản xuất thiết bị truyền thông: Sản xuất các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện - điện tử, tin học. Sản xuất, lắp ráp điện thoại di động, các thiết bị phần cứng của điện thoại di động;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khí tượng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Công thông tin. Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty có các hoạt động ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

- Công ty mẹ phát sinh chi phí bồi hoàn do hủy hợp đồng mua ngoại tệ kỳ hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ngày 31 tháng 10 năm 2018 và phụ lục điều chỉnh HĐ số 01 ngày 03 tháng 01 năm 2019 số tiền 955.545.000 đồng.
- Doanh thu bán thẻ cào của Công ty con cho Tổng Công ty Viễn thông MobiFone và Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông – Vinaphone giảm do hàng loạt nhà phát hành game lớn trong nước đã chính thức thông báo dừng hoạt động nạp thẻ điện thoại vào game theo quy định của nhà nước.



## 6. Cấu trúc

Bao gồm Công ty mẹ và 01 (một) Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh	Lô I-3b-4-a, đường N6, Khu công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9, TPHCM.	In ấn, sản xuất các loại thẻ dùng trong lĩnh vực Bưu chính Viễn thông, sản xuất phần mềm, sản xuất thẻ.....	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%

### *Các Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất*

Không có Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

### *Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu*

Không có Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

### *Danh sách các Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất*

Không có Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu*

Không có Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

### *Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất*

Không có Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và công ty con trong năm*

Không có những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh trong năm.

## 7. Tình hình lao động

Tại ngày kết thúc năm tài chính có 161 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 160 nhân viên).



## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty mẹ và Công ty con áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con” và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong năm thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và công ty con chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mẹ và công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng công ty có phát sinh giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng công ty có phát sinh giao dịch.

312  
CÔNG  
H NHI  
TOÁN  
HUA  
- TP



#### 4. **Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền**

Không phát sinh Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

#### 5. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 6. **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty Mẹ và công ty con không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

– Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 7. **Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

+ Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty mẹ và Công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty mẹ và Công ty con, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

+ Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

175-  
GTY  
EM HUU  
I VA TU  
N VIT  
HO



Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## 8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- + Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- + Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- + Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty mẹ và công ty con bao gồm các chi phí sau:

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty mẹ và công ty con đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 50 năm

### *Chi phí bảo lãnh*

Chi phí bảo lãnh phân bổ theo thời gian bảo lãnh





## 10. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ và Công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:*

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	04 - 08 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

## 11. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ và Công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

*Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ và Công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

## 12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ và Công ty con đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.



Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- + Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty mẹ và Công ty con, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- + Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- + Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- + Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.
- + Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

##### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và Công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 15. Phương pháp và nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty mẹ và Công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã



thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

**Doanh thu bán hàng hoá, chủ yếu là các thiết bị di động vệ tinh**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp lắp đặt các thiết bị viễn thông**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

**Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

**Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

**16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

**17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

**18. Nguyên tắc kế toán chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để

3031  
C  
I  
M  
T  
C  
H  
S



có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty mẹ và Công ty con.

#### 20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty mẹ và Công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;

+ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

201  
ĐANG  
NHIỆM  
JAN V  
JAN  
TP. H



+ Công ty mẹ và Công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 21. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

## 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và công ty con.

## 23. Số liệu so sánh

Các chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 do thay đổi tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quy định hiện hành.

Mã Số	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Chênh lệch
	1	2	3	4=3-2
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.640	1.504	(136)
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.640	1.504	(136)

75-  
TY  
HỮU  
TƯ  
VIỆ  
10 C



## V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	408.029.968	5.236.692.790
1.2	Tiền gửi ngân hàng	38.000.520.724	24.032.301.815
1.3	Các khoản tương đương tiền	8.750.880.000	20.518.716.440
	- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	8.750.880.000	20.518.716.440
	<b>Tổng cộng</b>	<b>47.159.430.692</b>	<b>49.787.711.045</b>

Trong đó:

- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn đang được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay với số tiền 8.750.880.000 đồng (xem thuyết minh số V.18).

#### Chi tiết tiền mặt

Chỉ tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	VND	USD	VND
Tiền Việt Nam		389.472.638		5.218.087.280
Ngoại tệ	803,00	18.557.330	803,00	18.605.510
<b>Cộng</b>	<b>803,00</b>	<b>408.029.968</b>	<b>803,00</b>	<b>5.236.692.790</b>



**Chi tiết tiền gửi ngân hàng:**

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm	
		USD	VND	USD	VND
1	Ngân hàng TMCP Quân đội MB - CN Sở Giao dịch 2 (VND)		32.200.389.098		17.974.885.721
2	Ngân hàng TMCP Quân đội MB - CN Sở Giao dịch 2(USD)	9.989,50	230.707.503		-
3	Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN - CN Gia Định (VND)		1.319.259.026		5.354.403
4	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Sài Gòn (VND)		4.162.264.724		5.730.570.168
5	Ngân hàng TNHH CTCB - CN TPHCM (VND)		1.441.260		268.544.398
6	Ngân hàng TNHH CTCB - CN TPHCM (USD)	158,24	3.654.553	158,24	3.625.278
7	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Chợ lớn (VND)		948.494		8.254.151
8	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN chợ lớn (USD)	77,15	1.781.779	90,35	2.070.350
9	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thủ Thiêm (VND)		44.760.304		-
10	Ngân hàng TMCP Công thương - CN quận 5 (VND)		-		3.016.675
11	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Sài Gòn (USD)	709,46	16.395.621	722,66	16.744.032
12	Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Sở Giao dịch 2 (VND)		18.918.362		19.236.639
	<b>Cộng</b>	<b>10.934,35</b>	<b>38.000.520.724</b>	<b>971,25</b>	<b>24.032.301.815</b>

**Chi tiết các khoản tương đương tiền:**

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Ngân hàng TMCP Quân đội MB - CN Sở Giao dịch 2	8.650.000.000	18.350.000.000
2	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thủ Thiêm	100.880.000	-
3	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN - CN Gia Định	-	2.168.716.440
	<b>Cộng</b>	<b>8.750.880.000</b>	<b>20.518.716.440</b>



## 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty mẹ và Công ty con bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty mẹ và Công ty con như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>	<i>17.500.000.000</i>	<i>17.500.000.000</i>	<i>17.500.000.000</i>	<i>17.500.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	17.500.000.000	17.500.000.000	17.500.000.000	17.500.000.000
<i>Dài hạn</i>	<i>350.000.000</i>	<i>350.000.000</i>	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng	350.000.000	350.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>17.850.000.000</b>	<b>17.850.000.000</b>	<b>17.500.000.000</b>	<b>17.500.000.000</b>

## 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	<i>12.000.000</i>
Công ty Cổ phần Công nghệ Tích hợp (ITE)	-	12.000.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>354.362.749.128</i>	<i>272.374.709.973</i>
Tổng Công ty Hạ tầng mạng VNPT-Net	294.910.684.265	194.991.398.592
Công ty Cổ phần CokyVina	27.531.850.000	43.091.462.959
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	10.113.053.500	6.555.340.000
Các khách hàng khác	21.807.161.363	27.736.508.422
<b>Cộng</b>	<b>354.362.749.128</b>	<b>272.386.709.973</b>

Đa số các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng dùng để thế chấp, đảm bảo các khoản vay (xem thuyết minh V.18).





**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	3.222.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tích hợp (ITE)	-	3.222.000.000
<i>Trả trước cho các khách hàng khác</i>	<b>25.142.361.147</b>	<b>24.395.942.061</b>
Thuraya Telecommunications Company	11.113.304.375	22.777.734.560
Công ty Cổ phần Kim Ô	5.529.624.000	-
Công ty TNHH DV Viễn thông Đức Vinh	5.243.850.000	302.400.000
GuangDong Yinghao Technology Co.,Ltd	209.489.500	-
	(#USD 9.020)	-
Các nhà cung cấp khác	3.046.093.272	1.315.807.501
<b>Cộng</b>	<b><u>25.142.361.147</u></b>	<b><u>27.617.942.061</u></b>

**5. Phải thu khác**

**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>7.939.629.302</b>	-	<b>18.109.829.230</b>	-
Tạm ứng	6.739.640.610	-	11.880.701.810	-
Ký cược, ký quỹ	579.934.595	-	5.634.137.471	-
Thuế thu nhập cá nhân và thu khác của người lao động	105.436.184	-	6.077.979	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	278.175.343	-	336.347.944	-
Phải thu ngắn hạn khác	236.442.570	-	252.564.026	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.939.629.302</u></b>	<b>-</b>	<b><u>18.109.829.230</u></b>	<b>-</b>

Công ty không có các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.



**Tạm ứng**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>6.739.640.610</b>	-	<b>11.880.701.810</b>	-
Nguyễn Văn Quỳnh	845.030.000	-	1.626.300.000	-
Mai Thị Kim Oanh	712.650.000	-	826.040.000	-
Các cá nhân khác	5.181.960.610	-	9.428.361.810	-
<b>Cộng</b>	<b>6.739.640.610</b>	-	<b>11.880.701.810</b>	-

**Ký cược, Ký quỹ**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH SX TM In Bao bì Hoàn Hảo	420.630.000	-	700.900.000	-
Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà TP HCM	96.000.000	-	96.000.000	-
Các khách hàng khác	63.304.595	-	4.837.237.471	-
<b>Cộng</b>	<b>579.934.595</b>	-	<b>5.634.137.471</b>	-

**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>1.172.362.980</b>	-	<b>998.692.229</b>	-
Ký quỹ, ký cược	1.172.362.980	-	998.692.229	-
- Tổng Công ty Dịch vụ Viễn Thông	803.590.591	-	791.484.156	-
- Tổng Công ty Viễn Thông MobiFone	320.772.389	-	174.208.073	-
- Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh Nhà TP.HCM	25.000.000	-	25.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	23.000.000	-	8.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.172.362.980</b>	-	<b>998.692.229</b>	-

Công ty không có các khoản phải thu dài hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.



**6. Nợ xấu**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác	260.185.200	-	170.280.000	-
Quá hạn từ 06 tháng – 01 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 01 năm – 02 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 02 năm – 03 năm	-	-	-	-
Quá hạn trên 03 năm	260.185.200	-	170.280.000	-
Công ty CP CN Cấp quang và Thiết bị Bưu điện	170.280.000	-	170.280.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin Học Bưu Điện (CTIN)	89.905.200	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>260.185.200</b>	<b>-</b>	<b>170.280.000</b>	<b>-</b>

(\*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(170.280.000)	-	(170.280.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(89.905.200)	-	(89.905.200)
Xóa nợ (*)	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(260.185.200)</b>	<b>-</b>	<b>(260.185.200)</b>









## 8. Chi phí trả trước

### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	16.337.121	1.610.909
Chi phí bảo lãnh chờ phân bổ	510.865.465	680.129.110
Chi phí khác	67.600.537	26.893.043
<b>Cộng</b>	<b>594.803.123</b>	<b>708.633.062</b>

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	708.633.062	358.675.176
Tăng trong năm	1.029.001.741	2.592.808.653
Phân bổ trong năm	(1.142.831.680)	(2.242.850.767)
<b>Số cuối năm</b>	<b>594.803.123</b>	<b>708.633.062</b>

### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất (*)	3.079.090.366	3.182.278.846
Công cụ dụng cụ	739.589.773	609.344.204
Chi phí bảo lãnh chờ phân bổ	2.070.417.379	1.963.020.974
Chi phí khác	233.406.091	399.278.059
<b>Cộng</b>	<b>6.122.503.609</b>	<b>6.153.922.083</b>

(\*) Đất thuê tại Lô I-3b-4-b, đường N6, Khu Công Nghệ Cao TP.HCM căn cứ theo Hợp đồng thuê đất số 04/HĐTĐ/KCNC-2004 ngày 24/11/2004 và phụ lục Hợp đồng thuê đất PL 04/KCNC-2009 ngày 26/10/2009. Thời hạn thuê là 50 năm.

(\*) Chi phí thuê đất tại lô I-3b-4-a đường N6, Khu Công Nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9, Tp.HCM đến ngày 24 tháng 8 năm 2054, với tổng giá trị tiền thuê là 2.582.986.475 đồng. Theo Hợp đồng thuê đất số 34/HĐTĐ/KCNC-2009 ngày 26 tháng 10 năm 2009.

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DB 866611 ngày 08 tháng 01 năm 2011 của Sở Tài Nguyên và Môi trường Tp.HCM cấp.

Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất này đã được dùng để bảo đảm khoản vay theo hợp đồng (xem thuyết minh VIII.6).



Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau :

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.153.922.083	5.203.575.131
Tăng trong năm	1.890.276.172	3.175.514.860
Phân bổ trong năm	(1.921.694.646)	(2.225.167.908)
Số cuối năm	<b>6.122.503.609</b>	<b>6.153.922.083</b>





9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số đầu năm	23.833.792.553	29.009.286.627	5.365.326.648	777.013.798	67.469.880	59.052.889.506
2. Tăng trong năm	-	215.000.000	3.335.423.636	75.800.000	-	3.626.223.636
<i>Mua trong năm</i>	-	215.000.000	3.335.423.636	75.800.000	-	3.626.223.636
3. Giảm trong năm	-	(1.105.706.209)	(2.021.863.941)	-	-	(3.127.570.150)
<i>Thanh lý trong năm</i>	-	(1.105.706.209)	(2.021.863.941)	-	-	(3.127.570.150)
4. Số cuối năm	23.833.792.553	28.118.580.418	6.678.886.343	852.813.798	67.469.880	59.551.542.992
<i>Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	697.048.615	15.304.499.898	36.190.476	321.393.627	67.469.880	16.426.602.496
<b>II. Giá trị hao mòn</b>						
1. Số đầu năm	8.138.491.978	25.638.080.707	2.574.240.856	614.890.129	67.469.880	37.033.173.550
2. Tăng trong năm	1.012.600.032	921.174.521	522.881.131	96.072.543	-	2.552.728.227
<i>Khấu hao trong năm</i>	1.012.600.032	921.174.521	522.881.131	96.072.543	-	2.552.728.227
3. Giảm trong năm	-	(1.105.706.209)	(2.021.863.941)	-	-	(3.127.570.150)
<i>Thanh lý trong năm</i>	-	(1.105.706.209)	(2.021.863.941)	-	-	(3.127.570.150)
4. Số cuối năm	9.151.092.010	25.453.549.019	1.075.258.046	710.962.672	67.469.880	36.458.331.627
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	15.695.300.575	3.371.205.920	2.791.085.792	162.123.669	-	22.019.715.956
2. Tại ngày cuối năm	14.682.700.543	2.665.031.399	5.603.628.297	141.851.126	-	23.093.211.365
<i>Tạm thời chưa sử dụng</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Đang chờ thanh lý (*)</i>	-	5.561.507.400	-	-	-	-



Trong đó:

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay là: 3.713.301.332 đồng.

(\*) Tài sản đang chờ thanh lý của Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh được đính kèm theo Quyết định số 20/QĐ-GĐ/2019 ngày 22 tháng 08 năm 2019 về việc thành lập Hội đồng thanh lý tài sản, căn cứ vào Biên bản Nghị quyết Hội đồng quản trị phiên họp ngày 19 ngày 08 năm 2019.

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
1. Số đầu năm	306.674.864	306.674.864
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	306.674.864	306.674.864
<i>Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	53.502.864	53.502.864
<b>II. Giá trị hao mòn</b>		
1. Số đầu năm	178.783.943	178.783.943
2. Tăng trong năm	41.784.408	41.784.408
<i>Khấu hao trong năm</i>	41.784.408	41.784.408
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	220.568.351	220.568.351
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
1. Tại ngày đầu năm	127.890.921	127.890.921
2. Tại ngày cuối năm	86.106.513	86.106.513
<i>Trong đó</i>		
Tạm thời chưa sử dụng	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-

Trong đó:

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay là: 0 đồng.
- Công ty không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai

75-  
 TY  
 HỮU  
 À TU  
 VIỆ  
 16 C



**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Dự án xây dựng nhà xưởng khu công nghệ cao	700.000.000	-	-	-	700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>700.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>700.000.000</b>

Trong đó :

- Công ty không có thế chấp, cầm cố công trình xây dựng dở dang để đảm bảo cho các khoản vay
- Công ty không có chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm.

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>3.170.000.000</b>
Công ty Cổ phần Công nghệ Tích hợp (ITE)	-	3.170.000.000
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>	<b>228.433.985.820</b>	<b>171.626.483.779</b>
Ciena Communication Inc (#USD 3.636.290,33)	84.489.205.817	88.272.133.665
Amphenol Omnicomnect India PVT.Ltd (#USD 3.159.835,90)	73.418.787.136	-
Changzhou Amphenol Fuyang Communication Equipment Co.,Ltd (#USD 646.699,48)	15.026.062.417	-
Công ty TNHH Ericsson Việt Nam	17.910.880.538	17.279.670.983
Công ty TNHH Phân phối Công Nghệ Quang Dũng	12.214.671.891	56.913.556.566
Công ty TNHH SX-TM In Bao bì Hoàn Hảo	5.507.474.792	2.208.308.108
Các nhà cung cấp khác	19.866.903.229	6.952.814.457
<b>Cộng</b>	<b>228.433.985.820</b>	<b>174.796.483.779</b>

Công ty không có nợ quá hạn thanh toán.



13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.737.817.800	5.350.523.109
Công ty Cổ phần Cokyvina (*)	4.160.019.700	335.780.634
Công ty TNHH Cường Tiến Thịnh (**)	1.980.000.000	-
Trung tâm thông tin - Thanh tra Chính Phủ (***)	1.203.335.000	-
Các khách hàng khác	394.463.100	5.014.742.475
<b>Cộng</b>	<b>7.737.817.800</b>	<b>5.350.523.109</b>

(\*) Tạm ứng cho đơn đặt hàng PO1 ngày 31 tháng 7 năm 2019, thuộc Hợp đồng số 160-2019/VNPT Net-COKYVINA-LD.EAB/E-13P ngày 29 tháng 7 năm 2019 thực hiện gói thầu “Cung cấp thiết bị vô tuyến” thuộc dự án “Mở rộng mạng vô tuyến khu vực Tp. Hồ Chí Minh, các tỉnh Tây Nam Bộ, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hòa mạng Vinaphone 2019” với số tiền 3.160.369.100 đồng.

Tạm ứng cho đơn đặt hàng PO2 ngày 10 tháng 9 năm 2019, thuộc Hợp đồng số 160-2019/VNPT Net-COKYVINA-LD.EAB/E-13P ngày 29 tháng 7 năm 2019 thực hiện gói thầu “Cung cấp thiết bị vô tuyến” thuộc dự án “Mở rộng mạng vô tuyến khu vực Tp. Hồ Chí Minh, các tỉnh Tây Nam Bộ, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hòa mạng Vinaphone 2019” với số tiền 663.875.600 đồng.

Tạm ứng cho Hợp đồng số 051-2019/VNPT Net-COKYVINA-LD.EAB/ĐTRR-KHMS.3P ngày 17 tháng 4 năm 2019 thực hiện gói thầu “Cung cấp thiết bị hệ thống vô tuyến” thuộc dự án “Cung cấp thiết bị hệ thống vô tuyến để mở rộng và nâng cấp vùng phủ sóng ở Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai 2018 - 2019” với số tiền 335.775.000 đồng.

(\*\*) Là khoản đặt cọc cho Hợp đồng đại lý phân phối thiết bị số 1012/2019/HĐTB/VTC-CTT ngày 10 tháng 12 năm 2019.

(\*\*\*) Là khoản đặt cọc cho Hợp đồng số 09/2019/HĐ/TTTT-VNPT-VTC ngày 23 tháng 12 năm 2019, thực hiện gói thầu số 12: “Cung cấp, lắp đặt thiết bị và xây dựng Cổng thông tin điện tử” thuộc dự án “Xây dựng Cổng thông tin điện tử Thanh tra Chính phủ”.





**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.892.172.955	12.076.386.195	(8.908.109.901)	-	5.060.449.249
Thuế giá trị gia tăng hàng xuất, nhập khẩu	-	-	39.378.445.269	(39.378.445.269)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	452.690.825	(452.690.825)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.702.118.921	3.325.172.795	(1.514.858.531)	-	3.512.433.185
Thuế thu nhập cá nhân	-	438.918.253	3.115.201.305	(2.648.756.185)	-	905.363.373
Thuế nhà thầu	10.466.865	-	1.441.880.914	(983.705.405)	-	447.708.644
Các loại thuế khác	-	5.634.061	366.473.636	(366.473.636)	-	5.634.061
<b>Cộng</b>	<b>10.466.865</b>	<b>4.038.844.190</b>	<b>60.156.250.939</b>	<b>(54.253.039.752)</b>	<b>-</b>	<b>9.931.588.512</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%,10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**Thuế thu nhập cá nhân**

Theo quy định Luật thuế Thu nhập cá nhân.

**Thuế thu nhập nhà thầu**

Theo quy định Luật thuế nhà thầu.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



## 15. Phải trả người lao động

Quỹ lương được trích theo Biên bản Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 03 năm 2019.

Quỹ lương Công ty con theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên ngày 18 tháng 03 năm 2019.

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	8.783.743.062	7.015.604.500
Tiền thưởng phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.783.743.062</b>	<b>7.015.604.500</b>

## 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>24.945.253.800</i>	<i>750.861.365</i>
Ciena Communication Inc (#USD 905.840,39) (*)	21.075.201.725	-
Tổng công ty Hạ tầng mạng VNPT-Net (**)	3.377.273.310	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	492.778.765	750.861.365
<b>Cộng</b>	<b>24.945.253.800</b>	<b>750.861.365</b>

(\*) Là khoản trích trước chi phí dịch vụ, phần mềm và chi phí bảo hành phải trả cho nhà cung cấp Ciena Communication Inc.

(\*\*) Là chi phí phạt chậm giao hàng cho Tổng công ty Hạ tầng mạng VNPT-Net.



## 17. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>378.855.852</b>	<b>591.349.150</b>
Các thành viên Hội đồng quản trị	97.016.430	308.108.000
Lê Xuân Tiến	-	75.614.000
Hồ Lê Nhật Hoan	-	60.490.000
Võ Hùng Tiến	-	60.490.000
Bùi Văn Bằng	97.016.430	51.024.000
Lê Thị Thanh	-	60.490.000
Các thành viên Ban kiểm soát	20.288.643	152.846.000
Nguyễn Thiện Lợi	-	60.490.000
Nguyễn Minh Vũ	20.288.643	46.988.000
Nguyễn Văn Xuân	-	45.368.000
Các thành viên Ban điều hành	261.550.779	130.395.150
Trần Văn Mua	235.474.829	130.395.000
Nguyễn Thụy Kiều Giang	26.075.950	150
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>8.552.716.287</b>	<b>6.378.993.875</b>
Kinh phí công đoàn	579.149.378	664.093.183
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	46.391.736	47.724.859
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.625.238.760	3.711.529.360
Phải trả nhân viên thực hiện dự án	621.770.000	307.712.317
Ký cược, ký quỹ	137.305.000	130.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.542.861.413	1.517.934.156
<b>Cộng</b>	<b>8.931.572.139</b>	<b>6.970.343.025</b>

Công ty không có nợ quá hạn thanh toán.



18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	148.294.895.225	148.294.895.225	178.992.364.787	178.992.364.787
Vay tổ chức tín dụng	123.746.895.225	123.746.895.225	141.442.364.787	141.442.364.787
-Ngân hàng TMCP Quân đội –CN Sở giao dịch 2 <sup>(1)</sup>	62.868.168.117	62.868.168.117	140.160.090.687	140.160.090.687
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam-CN Gia định <sup>(2)</sup>	60.777.847.108	60.777.847.108	1.282.274.100	1.282.274.100
-Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Thủ Thiêm <sup>(3)</sup>	100.880.000	100.880.000	-	-
Vay từ các cá nhân <sup>(4)</sup>	24.548.000.000	24.548.000.000	37.550.000.000	37.550.000.000
Lê Phúc Hiến	280.000.000	280.000.000	280.000.000	280.000.000
Trịnh Thị Hồng Liên	10.418.000.000	10.418.000.000	20.770.000.000	20.770.000.000
Nguyễn Thị Dung	2.000.000.000	2.000.000.000	500.000.000	500.000.000
Lê Thị Thanh Dung	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Nguyễn Thị Tư	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Lê Thị Quỳnh Giao	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Lê Thị Kim Nhung	2.850.000.000	2.850.000.000	-	-
Trần Công Tuấn	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>148.294.895.225</b>	<b>148.294.895.225</b>	<b>178.992.364.787</b>	<b>178.992.364.787</b>

<sup>(1)</sup> Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 theo hợp đồng Hạn mức tín dụng số 33364.19.103.2344761.TD ngày 19 tháng 8 năm 2019.

- Hạn mức tín dụng 1: 225.000.000.000 đồng
- Hạn mức tín dụng 2: 450.000.000.000 đồng
- Thời điểm có hiệu lực của hạn mức tín dụng:
  - + Tại thời điểm ký Hợp đồng cấp tín dụng này, hạn mức tín dụng 1 có hiệu lực, hạn mức tín dụng 2 chưa có hiệu lực.





- + Hạn mức tín dụng 2 chỉ phát sinh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện: Công ty có nhu cầu sử dụng vượt giá trị của hạn mức tín dụng 1; có đề nghị gửi cho Ngân hàng và được Ngân hàng chấp thuận. Hạn mức tín dụng 2 có hiệu lực tại thời điểm Ngân hàng chấp thuận cho Công ty sử dụng khoản tín dụng trong hạn mức tín dụng 2.
- Lãi suất theo từng khế ước vay
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại lắp đặt thiết bị viễn thông.
- Tài sản đảm bảo:
  - + Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sở giao dịch 2 (xem thuyết minh V.1)
  - + Xe ô tô con Toyota, biển kiểm soát 51F-524.47;
  - + Xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, biển kiểm soát 30F-815.51;
  - + Tiền ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội-CN Sở giao dịch 2; hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành, trái phiếu chính phủ và tín phiếu kho bạc, hợp đồng tiền gửi; sổ tiết kiệm do các Tổ chức tín dụng được Ngân hàng chấp thuận phát hành;
  - + Bất động sản;
  - + Phương tiện vận tải theo quy định;
  - + Hàng hoá;
  - + Và Quyền đòi nợ (phải được đối chiếu công nợ/ xác nhận công nợ 06 tháng/ 1 lần).

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 theo hợp đồng Hạn mức tín dụng số 14915.19.103.2344761.TD ngày 13 tháng 5 năm 2019.

- Hạn mức tín dụng: 1.299.999,40 USD
- Thời hạn cấp tín dụng: 09 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân
- Thời hạn cấp tín dụng: đến ngày 26/04/2020
- Lãi suất theo từng khế ước vay
- Mục đích vay: thanh toán giá trị hàng hoá nhập khẩu để thực hiện hợp đồng số 1712/2018/VNPT Net - VTC ký ngày 17 tháng 12 năm 2018.
- Đồng tiền giải ngân: VND
- Tài sản đảm bảo: hàng hoá và quyền đòi nợ theo hợp đồng:
  - + Hợp đồng số 1712/2018/VNPT Net - VTC ký ngày 17 tháng 12 năm 2018;
  - + Hợp đồng số 2512/2018/VNPT Net - VTC ký ngày 25 tháng 12 năm 2018.

<sup>(2)</sup> Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PDL 201812049900/HĐCTD ngày 06 tháng 04 năm 2018 và phụ lục hợp đồng số PDL201812049900/HĐCTD/PL046 ngày 08 tháng 11 năm 2019

- Hạn mức tín dụng : 195.000.000.000 đồng
- Thời hạn cấp tín dụng: đến hết ngày 05/06/2020
- Lãi suất theo từng khế ước vay
- Thời hạn vay: không vượt quá 09 tháng/khế ước



- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh
- Tài sản đảm bảo: Giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam-CN Gia Định phát hành: Hợp đồng tiền gửi, Sổ tiết kiệm, Số dư trên tài khoản tiền gửi mở tại Ngân hàng (xem thuyết minh V.1).
- (3) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thủ Thiêm theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 203/VCB.TT/19NH ngày 23 tháng 7 năm 2019.
  - Hạn mức tín dụng : 500.000.000 đồng
  - Thời hạn cấp tín dụng: đến hết ngày 23 tháng 07 năm 2020
  - Lãi suất theo từng lần nhận nợ
  - Thời hạn vay: tối đa 12 tháng/lần nhận nợ
  - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.
  - Tài sản đảm bảo: theo Hợp đồng cầm cố tài khoản số: 256/HĐCC.TT/19 ngày 23 tháng 7 năm 2019; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng số: 026500092210 ngày 23 tháng 7 năm 2019 (xem thuyết minh V.1).
- (4) Các khoản vay cá nhân với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay từ 01 đến 03 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động của Công ty.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>141.442.364.787</b>	<b>374.818.634.106</b>	<b>(392.514.103.668)</b>	<b>123.746.895.225</b>
- Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Sở giao dịch 2	140.160.090.687	140.429.500.346	(217.721.422.916)	62.868.168.117
-Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam-CN Gia định	1.282.274.100	230.898.239.060	(171.402.666.052)	60.777.847.108
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Thủ Thiêm	-	100.880.000	-	100.880.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-CN Sài Gòn	-	3.390.014.700	(3.390.014.700)	-
<b>Vay từ các cá nhân</b>	<b>37.550.000.000</b>	<b>24.768.000.000</b>	<b>(37.770.000.000)</b>	<b>24.548.000.000</b>
Lê Phúc Hiền	280.000.000	-	-	280.000.000
Trịnh Thị Hồng Liên	20.770.000.000	10.418.000.000	(20.770.000.000)	10.418.000.000
Nguyễn Thị Dung	500.000.000	2.500.000.000	(1.000.000.000)	2.000.000.000
Lê Thị Thanh Dung	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Nguyễn Thị Tư	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Lê Thị Quỳnh Giao	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Lê Thị Kim Nhung	-	2.850.000.000	-	2.850.000.000
Trần Công Tuấn	16.000.000.000	-	(16.000.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>178.992.364.787</b>	<b>399.586.634.106</b>	<b>(430.284.103.668)</b>	<b>148.294.895.225</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất





19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác (*)	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.123.734.272	613.236.953	28.605.744	(729.900.000)	1.035.676.969
Quỹ phúc lợi	1.399.599.445	613.236.952	28.605.745	(159.030.000)	1.882.412.142
<b>Cộng</b>	<b>2.523.333.717</b>	<b>1.226.473.905</b>	<b>57.211.489</b>	<b>(888.930.000)</b>	<b>2.918.089.111</b>

(\*) Tăng khác là do chuyển Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu sang Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Biên bản - Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 13/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Chi tiết	Tăng do trích lập từ lợi nhuận của Công ty Mẹ và Công ty con (*)	Tăng do trích lập từ lợi nhuận của Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Quỹ khen thưởng	534.834.702	78.402.251	613.236.953
Quỹ phúc lợi	534.834.702	78.402.251	613.236.953
<b>Cộng</b>	<b>1.069.669.403</b>	<b>156.804.502</b>	<b>1.226.473.905</b>

(\*) Trong đó tăng do trích lập từ lợi nhuận của Công ty con tạm ước tính tỷ lệ 10% Quỹ khen thưởng, phúc lợi cần trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận của Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 18 tháng 3 năm 2019 với số tiền 392.011.254 đồng. Các khoản tạm trích này sẽ được điều chỉnh lại theo số trích thực tế theo Nghị Quyết của Hội đồng quản trị về việc phân phối lợi nhuận năm 2019.

30/31  
 CÔNG TY CỔ PHẦN  
 RÁCH I  
 EM T  
 CHI  
 V S-



20. **Vốn chủ sở hữu**

20a. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước	45.346.960.000	200.264.000	(55.530.000)	6.802.047.190	358.386.611	17.309.627.623	20.211.183.305	90.172.938.729
Tăng trong năm	-	-	-	270.399.627	-	8.242.608.958	2.679.524.627	11.192.533.212
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	(5.175.500.568)	(2.827.952.462)	(8.003.453.030)
Số dư cuối năm trước/ Đầu năm nay	45.346.960.000	200.264.000	(55.530.000)	7.072.446.817	358.386.611	20.376.736.013	20.062.755.470	93.362.018.911
Tăng trong năm	-	-	-	1.648.521.792	-	9.887.374.501	1.568.045.012	13.103.941.305
<i>Tăng từ KQKD</i>				<i>1.648.521.792</i>	-	<i>9.887.374.501</i>	<i>1.568.045.012</i>	<i>13.103.941.305</i>
Giảm trong năm	-	-	-	-	(57.211.489)	(7.608.310.194)	(2.716.804.503)	(10.382.326.186)
<i>Phân phối lợi nhuận</i>	-	-	-	-	-	<i>(3.079.167.194)</i>	<i>(156.804.502)</i>	<i>(3.235.971.696)</i>
<i>Chia cổ tức</i>						<i>(4.529.143.000)</i>	<i>(2.560.000.001)</i>	<i>(7.089.143.001)</i>
<i>Giảm khác (**)</i>	-	-	-	-	<i>(57.211.489)</i>	-	-	<i>(57.211.489)</i>
Số dư cuối năm	45.346.960.000	200.264.000	(55.530.000)	8.720.968.609	301.175.122	22.655.800.320	18.913.995.979	96.083.634.030

(\*) Lợi nhuận phân phối trong năm, Công ty căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019.

(\*\*) Chuyển quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu sang quỹ khen thưởng phúc lợi căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng quản trị số 13/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 03 năm 2019.



**20b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp cổ đông Nhà nước (*)	46,67%	21.163.160.000	21.163.160.000
Vốn góp các cổ đông khác	53,33%	24.183.800.000	24.183.800.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>45.346.960.000</b>	<b>45.346.960.000</b>

(\*) Cổ đông Nhà nước là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt nam.

**20c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	45.346.960.000	45.346.960.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	45.346.960.000	45.346.960.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.529.143.000	3.623.314.400

**20d. Cổ phiếu**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.534.696	4.534.696
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.534.696	4.534.696
+ Cổ phiếu phổ thông	4.534.696	4.534.696
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	5.553	5.553
+ Cổ phiếu phổ thông	5.553	5.553
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.529.143	4.529.143
+ Cổ phiếu phổ thông	4.529.143	4.529.143
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000





**20e. Cổ tức**

Cổ tức được chia theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông hàng năm. Cổ tức năm nay được chia theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019.

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	3.623.314.400	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	3.623.314.400	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc kỳ kế toán	4.529.143.000	3.623.314.400
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	4.529.143.000	3.623.314.400
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

**20f. Các quỹ của doanh nghiệp**

*Quỹ đầu tư phát triển*

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chế tạo sản phẩm mới;
- Mua sắm mới TSCĐ và dây chuyền công nghệ;
- Góp vốn liên doanh liên kết, đầu tư các dự án BOT, BO, BT, BCC.
- Các hoạt động đầu tư khác.

*Quỹ khen thưởng*

- Khen thưởng đột xuất các tập thể, cá nhân trong Công ty có thành tích đóng góp xuất sắc trong năm;
- Khen thưởng cuối năm hoặc thường kỳ vào các ngày lễ tết cho CBNV trong Công ty;
- Khen thưởng cho các cá nhân, đơn vị ngoài Công ty có thành tích đóng góp xây dựng phát triển Công ty.

*Quỹ phúc lợi*

- Chi cho nghỉ ngơi tham quan du lịch hàng năm của CBNV trong Công ty;
- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi công cộng của Công ty;
- Công tác đối ngoại, hỗ trợ cho CBNV trong Công ty, tham gia chính sách xã hội;
- Trợ cấp khó khăn đột xuất cho Người lao động trong Công ty gặp hoạn nạn khó khăn;
- Các hoạt động khác (văn nghệ, thể dục thể thao...);

Việc sử dụng Quỹ phúc lợi do Tổng Giám đốc quyết định kết hợp với việc tham khảo ý kiến của Công đoàn công ty.



**20g. Phân phối lợi nhuận**

Số dư đầu năm		20.376.736.013
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.887.374.501
Phân phối trong năm:		(7.608.310.194)
<i>Quỹ khen thưởng, Phúc lợi</i>	1.069.669.402	
<i>Thù lao HĐQT, BKS</i>	360.976.000	
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	1.648.521.792	
<i>Phân phối cổ tức 2018</i>	4.529.143.000	
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>		<b>22.655.800.320</b>

(\*) Lợi nhuận phân phối trong năm, Công ty căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019.

**20h. Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Số dư đầu năm		20.062.755.470
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.568.045.012
Phân phối trong năm:		(2.716.804.503)
<i>Quỹ khen thưởng, Phúc lợi</i>	(156.804.502)	
<i>Phân phối cổ tức 2018</i>	(2.560.000.001)	
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>		<b>18.913.995.979</b>

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	-	1.267.586.618	-	1.267.586.618
Ngoại tệ các loại (USD)	11.737,35	271.096.786	1.774,25	41.045.170





**Nợ khó đòi đã xử lý**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Trung tâm điện thoại di động C.D.M.A	243.132.545	243.132.545
Viettel (cambodia) Pte.,Ltd	135.371.200	135.371.200
Công ty CP Đầu tư và PT Hệ thống Nguyễn Trịnh	72.034.001	72.034.001
Công ty CP Internet Một kết nối	56.508.143	56.508.143
Công ty TNHH Lava Land	20.379.980	20.379.980
Công ty TNHH Công nghệ Phát triển Thông tin Đạt Thịnh	17.956.000	17.956.000
Công ty TNHH Giải pháp Điện tử Việt Nam	16.645.000	16.645.000
Công ty Cp Công nghệ mới Nova	11.389.538	11.389.538
Beautiful Card Corporation	6.996.153	6.996.153
Bưu điện tỉnh Bình Định	62.747.542	62.747.542
Công ty Cổ Phần Truyền thông Dữ liệu Số Việt Nam	34.379.714	34.379.714
Công ty Cổ phần xây lắp BĐ Hà Nội (HASISCO)	11.009.846	11.009.846
Huawei Tech Investment Co.,Ltd (Trung Quốc)	381.287.040	381.287.040
Huawei Technologies Co., Ltd (Cambodia)	110.532.800	110.532.800
Huawei Tech Investment Co.,Ltd (Hong Kong)	29.065.696	29.065.696
Công ty BH Bưu điện Long An	4.301.461	4.301.461
Bưu điện tỉnh Thanh Hóa	53.849.959	53.849.959
<b>Cộng</b>	<b>1.267.586.618</b>	<b>1.267.586.618</b>

Là khoản xóa nợ của Công ty con theo Nghị quyết của Hội đồng Thành viên ngày 6 tháng 03 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 30 tháng 03 năm 2018.



## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (ĐVT: VNĐ)

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a Tổng doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thương mại	315.261.007.248	161.916.797.607
Doanh thu thành phẩm	54.306.051.864	59.591.619.636
Doanh thu cung cấp dịch vụ	282.527.455.181	268.090.889.534
Doanh thu hoạt động khác	1.379.924.142	1.047.573.333
<b>Cộng</b>	<b>653.474.438.435</b>	<b>490.646.880.110</b>

#### 1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan

Công ty không có giao dịch Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động thương mại	272.228.219.390	144.501.755.548
Giá vốn thành phẩm	40.091.539.883	41.843.670.597
Giá vốn cung cấp dịch vụ	278.601.819.301	241.522.941.290
Giá vốn khác	503.821.726	515.631.349
<b>Cộng</b>	<b>591.425.400.300</b>	<b>428.383.998.784</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.025.105.900	1.576.501.467
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.135.265.572	12.661.102
<b>Cộng</b>	<b>3.160.371.472</b>	<b>1.589.162.569</b>

### 4. Chi phí hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.968.226.224	13.450.202.107
Lỗ chênh lệch tỷ giá	704.568.907	853.425.010
<b>Cộng</b>	<b>11.672.795.131</b>	<b>14.303.627.117</b>



## 5. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	7.539.569.637	7.540.806.445
Chi phí công cụ dụng cụ	46.013.497	68.923.452
Chi phí khấu hao TSCĐ	126.956.930	178.343.499
Chi phí mua ngoài	7.642.515.482	3.363.851.709
Chi phí khác bằng tiền	6.199.980.737	6.258.231.667
<b>Cộng</b>	<b>21.555.036.283</b>	<b>17.410.156.772</b>

## 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	8.857.654.110	8.632.114.324
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	110.448.489	482.536.313
Chi phí vật liệu quản lý	129.917.232	181.130.306
Chi phí khấu hao TSCĐ	563.220.952	433.372.878
Thuế, phí, lệ phí	280.936.722	322.098.283
Chi phí dự phòng	89.905.200	-
Chi phí mua ngoài	2.685.664.652	1.937.539.131
Chi phí khác bằng tiền	4.820.387.148	4.627.045.614
<b>Cộng</b>	<b>17.538.134.505</b>	<b>16.615.836.849</b>

## 7. Thu nhập khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh tài sản cố định	844.786.909	287.727.273
Phạt vi phạm hợp đồng	4.602.499.783	-
Thu nhập khác	676.205.216	349.441.003
<b>Cộng</b>	<b>6.123.491.908</b>	<b>637.168.276</b>

## 8. Chi phí khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.666.079.486	28.125.432
Tiền phạt chậm nộp thuế, chậm nộp BHXH	116.906.342	112.293.652
Chi phí khác	3.357.460	589.962
<b>Cộng</b>	<b>5.786.343.288</b>	<b>141.009.046</b>



## 9. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty mẹ và Công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>14.780.592.308</b>	<b>16.018.582.387</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.845.271.670	9.463.661.623
Các khoản chi phí loại trừ	1.845.271.670	9.463.661.623
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b>16.625.863.978</b>	<b>25.482.244.010</b>
- Thu nhập tính thuế của Công ty mẹ	11.428.597.846	16.845.220.808
- Thu nhập tính thuế của Công ty con	5.197.266.132	8.637.023.202
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.325.172.795</b>	<b>5.096.448.802</b>

## 10. Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu

### 10a Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.887.374.501	8.242.608.958
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.483.106.175)	(1.069.669.402)
Thưởng HĐQT, BDH và thù lao HĐQT, BKS (*)	(360.976.000)	(360.976.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.043.292.326	6.811.963.556
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	4.529.143	4.529.143
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>1.776</b>	<b>1.504</b>

(\*) Công ty tạm ước tính tỷ lệ 15% Quỹ khen thưởng, phúc lợi cần trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019. Các khoản tạm trích này sẽ được điều chỉnh lại theo số trích thực tế theo Nghị Quyết của Đại hội cổ đông năm 2020.





**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	388.483.052.413	266.622.633.862
Chi phí nhân công	67.614.849.908	54.582.324.918
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.594.512.635	2.528.400.516
Chi phí mua ngoài	113.959.818.112	116.846.430.290
Chi phí khác bằng tiền	11.508.770.420	3.739.120.824
<b>Cộng</b>	<b>584.161.003.488</b>	<b>444.318.910.410</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (ĐVT: VND)**

**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, Công ty mẹ và Công ty con không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

**2. Các khoản tiền và tương đương tiền đang nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Tiền ký quỹ, Hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sở Giao dịch 2 phát hành để đảm bảo vay (xem thuyết minh V.18).

**3. Thu tiền từ đi vay**

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.18)

**4. Tiền trả nợ gốc vay**

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.18)

**VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VND)**

**1. Tài sản tiềm tàng**

Công ty mẹ và Công ty con không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Nợ tiềm tàng**

Công ty mẹ và Công ty con không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. Tài sản cho thuê hoạt động**

Công ty mẹ và Công ty con không có tài sản cho thuê hoạt động.

#### 4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty mẹ và Công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 4a *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Các thành viên Hội đồng quản trị		
<i>Lê Xuân Tiến</i>		
- Chi tạm ứng	2.435.000.000	1.348.535.000
- Hoàn ứng	(2.435.000.000)	(1.348.535.000)
- Mượn tiền	-	70.000.000
- Trả tiền mượn	-	(70.000.000)
- Phải trả thù lao	58.220.000	75.614.000
- Đã trả thù lao	(133.834.000)	(49.125.000)
<i>Hồ Lê Nhật Hoan</i>		
- Phải trả thù lao	46.578.000	60.490.000
- Đã trả thù lao	(107.068.000)	(39.301.000)
<i>Võ Hùng Tiến</i>		
- Phải trả thù lao	46.578.000	60.490.000
- Đã trả thù lao	(107.068.000)	(39.301.000)
<i>Bùi Văn Bằng</i>		
- Chi tạm ứng	2.859.000.000	1.751.200.000
- Hoàn ứng	(2.859.000.000)	(1.751.200.000)
- Phải trả thù lao	46.578.000	40.327.000
- Đã trả thù lao	(86.905.000)	-
- Phải trả chi phí dự án	362.045.075	306.670.694
- Đã trả chi phí dự án	(275.725.645)	(384.984.518)



Chi tiết	Năm nay	Năm trước
<i>Lê Thị Thanh</i>		
- Phải trả thù lao	67.541.250	60.490.000
- Đã trả thù lao	(107.068.000)	(39.301.000)
Các thành viên Ban kiểm soát		
<i>Nguyễn Thiện Lợi</i>		
- Phải trả thù lao	46.578.000	60.490.000
- Đã trả thù lao	(107.068.000)	(39.301.000)
<i>Nguyễn Minh Vũ</i>		
- Chi tạm ứng	4.524.654.000	642.800.000
- Hoàn ứng	(4.524.654.000)	(647.800.000)
- Phải trả thù lao	34.933.000	45.368.000
- Đã trả thù lao	(80.301.000)	(29.475.000)
- Mượn tiền	-	50.000.000
- Trả tiền mượn	-	(50.000.000)
- Phải trả chi phí dự án	260.557.362	259.954.738
- Đã trả chi phí dự án	(241.888.719)	(358.391.593)
<i>Nguyễn Văn Xuân</i>		
- Phải trả thù lao	34.933.000	45.368.000
- Đã trả thù lao	(80.301.000)	(29.475.000)
Các thành viên Ban điều hành		
<i>Trần Văn Mua</i>		
- Chi tạm ứng	2.715.000.000	1.801.159.300
- Hoàn ứng	(2.715.000.000)	(1.821.159.300)
- Mượn tiền	-	22.000.000
- Trả tiền mượn	-	(22.000.000)
- Phải trả chi phí dự án	470.288.096	548.793.495
- Đã trả chi phí dự án	(365.208.267)	(530.323.868)
<i>Nguyễn Thụy Kiều Giang</i>		
- Chi tạm ứng	271.500.000	405.000.000
- Hoàn ứng	(271.500.000)	(430.000.000)
- Mượn tiền	240.000.000	457.000.000
- Trả tiền mượn	(240.000.000)	(475.000.000)
- Phải trả khác	260.561.600	402.935.540
- Đã trả tiền khác	(234.485.800)	(404.842.602)

0312  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
HƯỞNG

#### *Cam kết bảo lãnh*

Công ty không dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên quản lý chủ chốt cũng không dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.18).

#### *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (\*)*

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	7.516.409.231	6.554.775.067
Thù lao	809.613.000	265.279.000
Cổ tức	90.953.600	-
<b>Cộng</b>	<b>8.416.975.831</b>	<b>6.820.054.067</b>

(\*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành

#### **4b** *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty mẹ và Công ty theo quy định bao gồm:

- Các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ,
- Các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty mẹ và Công ty con bao gồm:

STT	Tên	Mối quan hệ
1	Công ty CP Công nghệ Tích hợp (ITE)	Bà Nguyễn Lê Anh Đào là thành viên HĐQT



*Giao dịch với các bên liên quan khác*

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Công nghệ Tích hợp (ITE)	-	-
Phải trả tiền vay	-	1.000.000.000
Đã trả tiền vay	-	(1.000.000.000)
Bán hàng	-	300.053.483
Đã thu tiền hàng	64.000.000	(288.053.483)
Mua hàng	-	24.162.695.000
Đã thanh toán	-	(20.992.695.000 )

*Cam kết bảo lãnh*

Công ty không dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay các bên liên quan khác và các bên liên quan khác cũng không dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.18).

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**5. Báo cáo theo bộ phận**

Công ty mẹ và Công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty mẹ và Công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty mẹ và Công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty mẹ và Công ty con cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

**5a Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Bán hàng hóa, thành phẩm	Thương mại	Cung cấp dịch vụ	Hoạt động kinh doanh khác	Cộng
<b>Năm nay</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	54.306.051.864	315.261.007.248	282.527.455.181	1.379.924.142	653.474.438.435
Giá vốn hàng bán	40.091.539.883	272.228.219.390	278.601.819.301	503.821.726	591.425.400.300
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>14.214.511.981</b>	<b>43.032.787.858</b>	<b>3.925.635.880</b>	<b>876.102.416</b>	<b>62.049.038.135</b>
<b>Năm trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.591.619.636	161.916.797.607	268.090.889.534	1.047.573.333	490.646.880.110
Giá vốn hàng bán	41.843.670.597	144.501.755.548	241.522.941.290	515.631.349	428.383.998.784
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>17.747.949.039</b>	<b>17.415.042.059</b>	<b>26.567.948.244</b>	<b>531.941.984</b>	<b>62.262.881.326</b>

**5b Theo khu vực địa lý**

Trong năm, hoạt động của Công ty mẹ và Công ty con toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

**6. Tài sản đảm bảo**

**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty mẹ và Công ty con có các tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay như sau:

**Công ty mẹ:**

- Xe ô tô con Toyota, biển kiểm soát 51F-524.47, xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 30F-815.51, tiền ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội-CN Sở giao dịch 2, Hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành, trái phiếu chính phủ và tín phiếu kho bạc, sổ tiết kiệm do các Tổ chức tín dụng được Ngân hàng chấp thuận phát hành; Bất động sản; Phương tiện vận tải theo quy định, hàng hoá và quyền đòi nợ hình thành từ phương án đối với phương án Ngân hàng tài trợ.
- Giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam-CN Gia Định phát hành: Hợp đồng tiền gửi, Sổ tiết kiệm, Sổ dư trên tài khoản tiền gửi mở tại Ngân hàng;
- Hàng hoá và quyền đòi nợ theo hợp đồng:
  - + Hợp đồng số 1712/2018/VNPT Net - VTC ký ngày 17 tháng 12 năm 2018;
  - + Hợp đồng số 2512/2018/VNPT Net - VTC ký ngày 25 tháng 12 năm 2018.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng số: 026500092210 ngày 23 tháng 7 năm 2019 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm.

**Công ty con:**

Theo hợp đồng tín dụng số 4985491.19 ngày 04/06/2019 của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB – Chi nhánh Sài Gòn; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1280563.19 ngày 12 tháng 11 năm 2019 thì tài sản đảm bảo bao gồm:



- Quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần và tài sản gắn liền với đất tại lô I-3b-4a đường N6, Khu công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, TP.HCM theo hợp đồng thế chấp số 0114-HĐTC2.VIB.625.15 do Văn phòng Công chứng Châu Á, thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 18/06/2015 số công chứng: 006079 và các hợp đồng/phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung;
- Khoản phải thu từ Tổng Công ty Viễn thông MobiFone và Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông – Vinaphone theo các hợp đồng do VIB tài trợ;

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa phát sinh khoản vay nợ nào của hợp đồng nêu trên nhưng Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất của Công ty số DB 866611 ngày 08 tháng 01 năm 2011 của Sở Tài Nguyên và Môi trường Tp.HCM cấp vẫn còn thế chấp bảo đảm tại ngân hàng.

#### **Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác**

Công ty mẹ và Công ty con không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **7. Thông tin về hoạt động liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty mẹ và Công ty con. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được lập dựa trên giả thiết Công ty mẹ và Công ty con hoạt động kinh doanh liên tục.

### **8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và Công ty con năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2020.

Người lập biểu



NGUYỄN THỤY KIỀU GIANG

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỤY KIỀU GIANG

Tổng Giám đốc



LÊ XUÂN TIẾN